

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

LUÂN HỒI QUẢ BÁO

NGUYỄN TRUNG HẬU VÀ PHẠM TẤN ĐÃI

HỘI THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tammnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **THÁNH THẤT NEW SOUTH WALES – AUSTRALIA, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỗ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 20/12/2011

Tâm Nguyên

LUÂN HỒI QUẢ BÁO

NGUYỄN TRUNG HẬU và PHẠM TẤN ĐÀI

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	7
CHƯƠNG NHỨT	9
1. LINH HỒN BẤT DIỆT.....	9
2. BẰNG CHỨNG	10
3. XUẤT THẦN.....	11
4. THẦN GIAO CÁCH CẢM.....	14
5. MỘT ÔNG GIÁO SĨ HIỆN HỒN VỀ.....	14
6. ĐỨA BÉ MẤT THẦN.....	15
7. TRỤC PHÁCH NGƯỜI SỐNG.....	16
CHƯƠNG HAI	19
THUYẾT LUÂN HỒI QUA CÁC TÔN GIÁO VÀ HỌC	
THUYẾT CỔ KIM.....	20
I. Ở nước Ấn Độ.....	20
II. Ở nước Ai Cập.....	23
III. Ở nước Ba Tư.....	25
IV. Ở nước Hy Lạp.....	25
V. Ở nước Ả Rập.....	27
VI. Ở xứ Judée	28
VII. Ở nước Trung Hoa.....	31
VIII. Ở nước Nhật Bản.....	34
IX. Ở nước Việt Nam.....	35
Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.....	39

NHỮNG BẰNG CHỨNG VỀ LUÂN HỒI.....	39
<i>Những tiền thân của Đức Địa Tạng</i>	40
<i>Nhớ bài hát kiếp trước</i>	44
<i>Cho mẹ biết trước mình sẽ tái sanh</i>	46
<i>Chuyện luân hồi ở Việt Nam</i>	47
<i>Một hiện tượng ly kỳ về Thần linh</i>	50
<i>Chuyện Luân hồi ở Ấn Độ</i>	52
<i>Chuyện thay hồn đổi xác</i>	53
<i>Tại sao người ta nhớ được kiếp trước?</i>	57
<i>Thần đồng</i>	59
<i>Thần đồng xưa và nay</i>	60
CHƯƠNG BA	65
<i>NHƠN QUẢ</i>	65
.....	65
<i>THỜI GIAN BÁO ỨNG</i>	68
<i>CHUYỆN NHƠN QUẢ</i>	70
<i>Kéo cày trả nợ</i>	70
<i>TIỀN KIẾP NHƠN QUẢ</i>	72
<i>TRẢ NỢ TÍN THÍ</i>	74
<i>ĐỨC CƯU-MA-LA-ĐA GIẢNG CƠ BÁO ỨNG</i>	75
CHƯƠNG BỐN	77
<i>LÀM PHƯỚC GẶP PHƯỚC</i>	77
KẾT LUẬN	81

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng ta ở vào thế kỷ văn minh vật chất, thêm gặp buổi khó khăn, con người mải mê vật về kiếp sống còn, lo cho hiện tại chưa kham, ít ai được tâm trí rảnh rang nghĩ tới những việc cao xa, sâu kín.

Cái trạng huống ấy còn kéo dài, nhiều người rồi đây không khỏi bị lôi cuốn theo làn sóng duy vật mà bỏ hẳn tinh thần đạo đức bỏ cả quan niệm thiện ác.

Nhận thấy cái viễn cảnh ấy, chúng tôi chẳng quản tài sơ trí thiếu, soạn in quyển nhỏ này với những bằng chứng về Luân Hồi Quả Báo, để anh chị em cùng xem mà suy nghiệm.

Vốn không phải một công trình sáng tác, mà là một công trình sưu tập, sưu tập những giáo lý và học thuyết của các đấng tiên nhân, sưu tập những chuyện xưa tích nay về «KIẾP LUÂN HỒI» và «LUẬT NHƠN QUẢ» có thể gây ảnh hưởng sâu xa cho nhơn tâm thế đạo giữa sức cạnh tranh của hai thuyết Duy Tâm và Duy Vật.

Thừa biết có nhiều khuyết điểm không thể tránh, chúng tôi cầu xin các bậc cao minh đại đức vui lòng điểm xuyết, cho quyển sách nhỏ này được đầy đủ hơn trong kỳ tái bản.

Mùa Xuân năm Bính Thân

NGUYỄN TRUNG HẬU và PHẠM TẤN ĐÁI

CHƯƠNG NHỨT

1. Linh hồn bất diệt
2. Bằng chứng
3. Xuất thân
4. Thần giao cách cảm
5. Một ông giáo sĩ hiện hồn về
6. Đứa bé mất thân
7. Trục phách người sống

1. LINH HỒN BẤT DIỆT

Linh hồn là điểm linh quang bất diệt. Từ ngàn xưa, nhơn loại vẫn tin như thế. Sự tin tưởng ấy chính là một tín điều, làm căn bản cho các tôn giáo.

Qua nhiều thế hệ, tôn giáo vì bị diên cách mà thất kỳ truyền, cho tới ngày nay, tôn giáo kém dần uy tín tinh thần, khiến cho lòng người hoang mang thắc mắc, rồi đâm ra ngờ vực cái tín điều cố hữu ấy. Gia dĩ vào thế kỷ 20 này, khoa học vật chất phát triển rất mau, những tìm tòi và phát minh khoa học đã biến cải điều kiện sanh tồn theo quan niệm mới và đã hoàn thiện đời sống vật chất của nhơn loại.

Tuy nhiên, nếu khoa học thắng lợi về phương diện vật chất, nó lại làm càng lu mờ cái tín ngưỡng về linh hồn, thành thử ít người chịu quan tâm đến phần linh diệu của mình, không cần tìm hiểu sau khi liả khỏi xác phàm, linh hồn sẽ ra sao. Họ bận lo cho kiếp hiện tại, cho những cận

lợi nhân tiên, mặc cho kiếp tương lai mà họ không tin là có.

Thêm vào đó, những phát kiến gần đây của thiên văn học, địa chất học, nhơn loại học đã đánh đổ những bịa đặt quá đáng của một vài tôn giáo, gây thành mối tương phản giữa đức tin và lý trí.

Tóm lại, một phần vì sức bành trướng của khoa học, một phần vì lập thuyết mập mờ của vài tôn giáo, nhơn sanh quá chú trọng về vật chất, bỏ quên hẳn về tinh thần. Dầu các nhà tín ngưỡng chơn chánh có đem tài hùng biện tranh luận với các nhà khoa học trên địa hạt triết lý cách nào đi nữa tưởng cũng không thể đem thắng lợi về mình. Phải tìm một phương pháp khác: QUAN SÁT và THỰC NGHIỆM. Phải tìm đủ bằng cứ minh chứng linh hồn là một điểm linh quang hiện hữu và có thể linh hoạt ngoài cơ thể.

May thay! Những bằng chứng ấy đã có và không khó để xác nhận, nếu người ta chịu khảo sát một cách vô tư những hiện tượng như huệ nhãn (clairvoyance), huệ nhĩ (clairaudience), thần giao cách cảm (télépathie), linh cảm (prémonition), xuất thần (dédoublement) vân vân...

2. BẰNG CHỨNG

Ngay từ năm 1882, Hội Anh quốc Nghiên cứu Tâm linh (Société Anglaise des Recherches Psychiques) đã dày công khảo sát và nghiên cứu hàng ngàn hiện tượng siêu hình. Việc làm tiêm tất ấy khiến giới trí thức phải quan tâm rồi quen lẩn với những hiện tượng xảy ra chứng tỏ linh hồn có thật. Nên nói rằng Hội Nghiên cứu này gồm nhiều danh nhơn trong giới khoa học và thần học của nước Anh vào thế kỷ 19.

Tháng ba năm 1922, giáo sư Charles Richet (người Pháp) đem trình tại văn phòng Khoa học Hàn lâm viện (Académie des Sciences) một tác phẩm của ông, nhan đề “*SIÊU LINH HỌC KHÁI LUẬN*” (Traité de métaphysique), trong đó ông chứng thực những hiện tượng nói trên.

Các nhà thông thái như Grookes, Alfred Russel Wallace, Myer Sir Oliver Lodge, Lombroso đều công nhận thuyết Thần linh là đứng đắn, có thể giải quyết các vấn đề siêu việt về những hiện tượng siêu linh

3. XUẤT THẦN

Năm 1884, ông Cổ đạo Huc, sau khi du lịch bên xứ huyền bí Tây Tạng, về Ba Lê (Paris) có thuật lại cho một người bạn nghe một chuyện ly kỳ mà ông đã thấy tận mắt hồi ông ngụ tại chùa Koumboum. Ông nói: “Một hôm đương ngồi đàm đạo với một nhà sư, bỗng tôi thấy vùng nín thính, dường như lắng nghe điều gì, đoạn nói: “*Tôi phải đi mới được*”. Ngạc nhiên, tôi hỏi: “*Ông đi đâu? Và vừa nói chuyện với ai?*” Ông đáp: “*Đi lại chùa X, ông Thầy Cả chùa ấy cần nói chuyện với tôi, nên mới gọi tôi*”.

Từ Koumboum đến chùa X rất xa, đi bộ phải mất vài ngày, nhưng nhà sư đi bằng cách xuất thần. Ông vào tịnh phòng, tôi vô theo. Ông bảo một sãi khác đóng cửa lại. Vài phút sau, ông sãi cho tôi biết rằng nhà sư đã đi rồi. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Cửa phòng đóng chặt, đi làm sao được?
- Ông xuất thần đi như chớp nhoáng, đâu phải đi bằng xác phàm.

Ba ngày sau, vì chưa thấy động tịnh, tôi hỏi tin tức thì nghe nói chiều hôm ấy nhà sư về. Thật vậy, mặt trời vừa lặn, tôi nghe từ trên mây có tiếng báo mở cửa. Tôi dòm lên thấy nhà sư bay xuống rồi vô phòng.

Vài hôm sau, người ta đưa ông Cố đạo Gabet và tôi ra khỏi biên giới Koumboum vì chúng tôi tò mò quá.

Cũng về hiện tượng xuất thần, cách đây lối 25 năm, chúng tôi được nghe một chuyện cũng kỳ bí như chuyện trên do một nhà giáo già thuật lại. Lúc ấy ông làm hiệu trưởng một trường công tại ngoại ô Saigon, một người đáng kính và đáng tin cậy.

Ông thuật chuyện dưới đây:

«Hồi tôi còn trẻ lối hai mươi mấy tuổi, tôi cùng vài bạn lên viếng núi Điện Bà (Tây Ninh). Vừa đến chân núi, chúng tôi gặp ông sãi tu tại động Linh Sơn, đương đi đạo dưới núi. Không ai biết tên ông, chỉ biết ông là người Chàm (Chiêm Thành), nên gọi ông Chàm thôi.

Khi chúng tôi lên tới động, ông Chàm đã chực sẵn tiếp rước chúng tôi. Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng thâm nghĩ có lẽ ông biết đường đi tắt nên lên động trước hơn.

Hầu chuyện được một lúc, ông lại bảo chúng tôi: «Xin mấy ông ngồi chơi giấy lát tôi có việc phải đi».

Nói đoạn, ông lặng thinh cúi mặt xuống bàn như ngủ. Chúng tôi ngơ ngẩn không hiểu đầu vào đầu cả. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn ngồi yên lặng đợi chờ, không dám làm kinh động giấc nhắp của ông. Một lát lâu, ông ngước mặt lên, thì kỳ dị thay! Trên bàn chất đầy nào là nhang, đèn, trà tàu và bánh in mà ông bảo mới đi Cholon mua về.

Thuật dứt câu chuyện huyền bí ấy, nhà giáo cười nói: «Đó là chuyện thật tôi thấy tận mắt. Thấy sự mâu nhiệm ấy, tôi muốn tu quá, ngặt vì tuổi còn thơ, gia đình còn ràng buộc chưa thể thi hành theo ý nguyện».

Về sau nhà giáo tu thật. Ông nhập môn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và hành đạo một cách sốt sắng.

Còn ông Chàm, sau khi đắc quả, có giáng cơ với danh hiệu Huệ Mạng Trường Phan và cho bài thi tứ tuyệt dưới đây:

*Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn,
Chẳng quản mùi đời thiệt với hơn.
Trăm đảng ngàn cay đành một kiếp,
Công hầu, vương bá có chi hơn?»*

Nhờ cơ bút, người phàm có thể thông công với những linh hồn giải thể đương linh hoạt ở cõi hư không mà người đời quan niệm về đẳng cấp, gọi là Thần, Thánh, Quỷ, Ma...

Ở nước Pháp, các nhà Thần linh học còn dùng phương pháp thiết thực hơn để chứng nhận một cách đích xác sự hiển hiện của linh hồn bằng cách chụp ảnh và lấy dấu tay của những người chết hiện hồn về. Cuộc thí nghiệm này được tổ chức rất châu đáo để phòng ngừa những sự gian lận hoặc ảo ảnh.

Và sau những cuộc thí nghiệm, nhiều nhà bác học còn điều tra lại nhiều lần rồi mới chịu tin chắc, mặc dầu những nhà duy vật cổ tâm xuyên tạc.

4. THẦN GIAO CÁCH CẢM

Tờ báo International Psychic Gazette có tường thuật hiện tượng dưới đây:

Bà Maria Szabo ở tại một làng của nước Hung gia lợi (Hongrie), gần Ezegegin.

Bà có một người con trai sang lập nghiệp ở Mỹ quốc đã 20 năm mà vẫn bật tin tức, cho nên ai cũng tưởng nó đã bỏ thầy nơi đất khách.

Một đêm vào đầu tháng tám dương lịch, bà mẹ đương ngủ vùng thức dậy la lên: “*Chính nó, chính con tôi trở về!*”.

Con gái bà nghe la lật đặt chạy đến phòng bà, thì bà bảo vừa nằm mộng thấy con trai bà chống tay dựa lan can một chiếc tàu, bà còn nói thêm rằng gò má bên trái của nó có một cái thẹo. Cả nhà đều cho bà nói mê, không quan tâm đến. Qua chiều ngày sau, quả thiệt con trai bà từ Mỹ quốc trở về. Nó cho biết trong lúc tàu tiến gần duyên hải Âu Châu, nó chống tay dựa lan can mà trí tưởng đến mẹ già. Lúc bấy giờ ai nấy đều nhận thấy trên gò má bên trái của nó có một cái thẹo dài, hỏi nó thì nó bảo trong thời gian lưu ngụ tại Hiệp Chúng Quốc (Etas Unis) nó bị thương trong một cuộc ẩu đả.

Theo truyện trên đây, chúng ta nhận định rằng trong khi người con trai đem hết tinh thần ý chí tưởng tới mẹ già, thần của y xuất về thăm mẹ, và bà ấy vốn có linh cảm mới thấy được con trong giấc mộng.

5. MỘT ÔNG GIÁO SĨ HIỆN HỒN VỀ

Tờ Thần Linh Tạp Chí (Revue spirite) xuất bản vào tháng Giêng năm 1932, cho biết tờ The Tivo Words

có thuật một hiện tượng kỳ quái đã xảy ra tại Manchester (Anh quốc), nơi tịnh viện mà 38 năm về trước ông giáo sĩ Sharrock đã lìa trần. Những người ở nơi tịnh viện đêm nào cũng thấy ông ấy hiện hồn về, thét rồi họ phải báo cáo cho Mục sư J. Drescher hay biết. Mục sư liền ban phép lành và rải nước thánh cho tịnh viện ấy. Rồi người ta tụng kinh cầu siêu cho linh hồn giáo sĩ Sharrock tại nhà thờ mà trước kia giáo sĩ đã hành sự.

Mục sư Drescher lại tuyên bố: “*Tôi không cho rằng những hiện tượng như thế có tánh cách xấu. Giáo hội Công giáo nhìn nhận sự hiện hồn sở dĩ có là: hoặc người chết còn để lại nơi thế gian một công trình đương bỏ dở, hoặc để nhắc nhở người rằng một thế giới khác đương chờ chúng ta bên kia màn bí mật*”.

6. ĐƯA BÉ MẮT THẦN

Báo Wahres Leben, xuất bản tại thành phố Leipzig (nước Đức) vào tháng 2 năm 1929, dưới ngòi bút của ông Willi Dobberkan, có thuật chuyện một đứa bé có thần nhãn. Hiện tượng này đã được nhà khoa học huyền bí là bác sĩ Petro Niel tại thành Madrid (Tây Ban Nha) khảo cứu kỹ càng. Dưới đây là những điều được quan sát mà ông đã trình bày trước mặt các thính giả chuyên môn:

«Đó là một đứa bé bảy tuổi, ngó xuyên qua các vật, dường như cặp mắt nó phát ra những quang tuyến Roentgen.

Đứa bé ấy tên Benito Paz, con một nhà giáo người Tây Ban Nha, hồi lên năm, bỗng nhiên nó đọc được những trang chữ trong một quyển sách gấp lại và để trước mặt nó. Lúc đầu, cha nó nghi nó đã học thuộc lòng trước. Rồi

ông thử nó nhiều cách: như ông đã đánh mất một nút áo, bảo nó kiếm thì nó nói nó thấy ở trong hộp đựng thuốc lá của ông. Đúng như vậy. Đoạn ông lấy những điều thuốc đem giấu nhiều chỗ, nó vẫn chỉ đúng chỗ giấu. Lúc bấy giờ, nhà giáo mới chịu tin và dẫn nó đến Bác sĩ Petro Niel ở thành Madrid, cho ông ấy quan sát và thí nghiệm. Bác sĩ bèn giấu nhiều vật trong những cái tráp bằng kim khí, rồi bảo nó mô tả từng vật một, đoạn ông bắt nó đọc những bức thơ đựng trong ba bốn phong bì để chồng cái này lên cái kia, ông còn bắt nó mô tả những vật đựng trong mấy túi áo ông. Có điều lạ là đứa bé có thể thấy và đọc xuyên qua giấy, giấy bồi, hàng vải và kim khí, nhưng vật nào để trong hộp hay rương bằng cây thì nó không thấy được.»

7. TRỰC PHÁCH NGƯỜI SỐNG

Trong lúc người Á Đông, vì thiếu phương pháp hoặc thiếu tánh háo kỳ, nên thờ ơ với những hiện tượng siêu hình, thì người Mỹ hay người Âu lại dùng cách thí nghiệm để chứng chắc rằng trong bản thân con người vốn có linh hồn và thể phách.

Năm 1893, đại tá Rochas, tác giả quyển sách “*Những kiếp sống liên tục*” (Les vies successives) có dùng một cô đồng để để trực phách cô ấy.

Sau khi ở vào trạng thái thôi miên, cô ấy không biết mình là ai nữa, không còn nhớ gì cả, nhưng pháp đàn hay biết điều chi thì cô cũng hay biết y theo. Bỗng phía bên mặt cô hiện ra một luồng thanh khí vận tròn, đồng thời, phía bên trái cũng xuất hiện một luồng hồng khí, đoạn hai luồng ấy hòa lẫn nhau qua phía bên trái biến thành một tướng tinh giống in hệt cô ấy. Đó là phách của cô được trực

khỏi bản thân. Ai nhẹ bóng vía (voyant) có thể thấy dạng.

Nếu đưa một miếng đường vào miệng cái phách ấy, thì cô biết ngọt, còn đưa từng hương (nhựa thông) cô ấy lại dừn mình. Nói tắt là cô và phách của cô vẫn đồng một cảm giác.

Người ta có thể chụp hình cái phách, nhưng việc này chưa đủ bảo đảm cho mọi người tin là vì không biết tại sao khi thì chụp được, khi lại không ăn ảnh.

Gần đây ông H. Durville, Tổng Thư ký Viện Từ Khí học cũng có nghiên cứu về thần phách và được kết quả cụ thể. Ông dùng thôi miên làm cho một người kia ngủ, rồi trực phách người ấy ra khỏi xác phàm, đoạn ông điều khiển cái phách ấy sang qua phòng khác. Bấy giờ ông mới bắt đầu thí nghiệm về giác quan của người ngủ. Ông đem một tờ báo sang phòng cho phách xem, thì nơi phòng bên cạnh, người ngủ lại đọc được. Những vật gì đem để gần phách, thì cái xác nằm trơ trơ bên phòng kia vẫn mô tả hình trạng đúng y.

Cái phách lại nghe được tiếng đồng hồ tíc tắc, lời nói thầm thì bên mình, biết được mùi Ammoniaque, dầu thơm và các mùi khác, nó ném dầu xỏ, đường sulfate de guinsire, nước bông cam, rồi truyền các sự cảm xúc ấy cho xác thân không sai một mảy.

CHƯƠNG HAI

- Thuyết Luân Hồi qua các Tôn giáo và học thuyết cổ kim
 - I. Ở nước Ấn Độ
 - II. Ở nước Ai Cập
 - III. Ở nước Ba Tư
 - IV. Ở nước Hy Lạp
Tân học phái Platon
 - V. Ở nước Ả Rập
 - VI. Ở xứ Judéc
 - VII. Ở nước Trung Hoa
 - VIII. Ở nước Nhật Bản
 - IX. Ở nước Việt Nam
Thánh Ngôn Hiệp Tuyển
- Những bằng chứng về Luân hồi
 - Những tiền thân của Đức Địa Tạng
 - Nhớ bài hát kiếp trước
 - Cho mẹ biết trước mình sẽ tái sinh
 - Chuyện luân hồi ở Việt Nam
 - Một hiện tượng kỳ về Thân linh
 - Chuyện Luân hồi ở Ấn Độ
 - Chuyện thay hồn đối xác
 - Tại sao người ta nhớ được kiếp trước?
 - Thần đồng
 - Thần đồng xưa và nay

THUYẾT LUÂN HỒI QUA CÁC TÔN GIÁO VÀ HỌC THUYẾT CỔ KIM

Từ cổ chí kim, từ Âu sang Á, hầu hết các dân tộc, dưới hình thức này, hoặc hình thức khác, với một trình độ trí thức thấp kém hay cao siêu, vốn có một tin tưởng tương tự nhau về sự linh hồn bất diệt. Sự tin tưởng ấy, lúc đầu còn mập mờ vì kém quan sát và thiếu phương tiện khảo cứu, lần lần phải trải qua nhiều thế hệ, cái đức tin ấy mới được minh xác. Cho đến ngày nay, linh hồn bất diệt được cho là một sự thật hiển nhiên. Ngoại trừ phái duy vật, hầu hết các dân tộc nhìn nhận rằng: *“Chết không phải là hết”*, như nhà Nho bảo: *“Sanh ký tử qui”* (sống gọi thác về). Chết là xác thịt rã tan, nhưng con người vẫn còn một cái gì thiêng liêng và luôn luôn tồn tại, ta gọi linh hồn đó.

Để minh chứng điều nói trên, chúng tôi xin mời quý vị cùng chúng tôi lược khảo các Tôn giáo và học thuyết cổ kim về quan niệm luân hồi.

I. Ở NƯỚC ẤN ĐỘ

Ấn Độ có thể nói là nước phát triển trước nhất về trình độ tinh thần trí thức, là nơi sản xuất nhiều Tôn giáo.

Ấn Độ Giáo (Hindouisme) do Bà La Môn Giáo (Brahmanisme) mà ra và được phổ biến ở Ấn Độ tân thời. Ấn Độ Giáo có hai phái: một phái thiên về triết lý, lấy kinh Vedas và kinh Upanishad làm căn bản cho giáo lý mình, một phái thì chuyên chú về lễ bái nhiều hơn. Phái sau này, ngoài hai thứ kinh kể trên, còn dùng thêm nhiều thứ kinh khác, như Pourânas viết bằng chữ Phạn và theo lối vận văn, trong đó có giảng giải về Càn Khôn Vô Trục, nguồn cội, tông tích các vị thần và các triều vua

chúa. Phái này chủ trương rằng tất cả thần linh đều do một Tôn thần độc nhất hóa thân ra và chịu dưới quyền chi phối của ba Hiện thể (Trimourti) của Tôn thần ấy là: Thần Sáng Tạo (Brahma), Thần Phá Hoại (Shiva) và Thần Bảo Tồn (Vishnou).

Trong kinh Pourânas có kinh Bhagavad-gita, trong đó ghi chép những lời giải thích của Đức Krishna đáp lại những nghi vấn của môn đệ Ngài là vua Arjuna, cũng như Luận Ngữ của Đạo Nho vậy.

Dưới đây, xin dịch một đoạn trong kinh ấy giải thích về linh hồn và kiếp luân hồi.

“Linh hồn vốn bất sanh bất tử, nó không phải sanh ra lúc trước, nó không thể tái sanh, bất sanh bất diệt, vĩnh kiếp trường tồn và vốn có sẵn từ xưa, nó chẳng hề tiêu diệt khi người ta tiêu diệt thể xác.

Vậy, có lẽ nào một người đã biết nó bất sanh, bất tử, vĩnh kiếp trường tồn, lại giết hoặc muốn giết kẻ khác?

Linh hồn bỏ những xác thân hư hoại để nhập vào những xác thân mới, cũng như người ta bỏ y phục hư rách để mặc vào những y phục mới vậy.

Này Arjuna ta đã sanh ra nhiều lần, người cũng thế. Ta thì biết rõ tiền thân của ta duy người chưa biết đó thôi.”

Lời dạy trên đây, chúng tỏ đạo lý Ấn Độ thời xưa nhìn nhận linh hồn bất diệt và sự tấn hóa của nó phải trải qua nhiều kiếp chuyển sanh cho tới khi đắc đạo trở về nguyên bản.

Lối 560 trước Tây lịch kỷ nguyên, Thái Tử Sĩ-đạt-tha (Siddharta) giảng sanh, Ngài là con vua Tịnh Phạn Đầu-đà-na (Suddhodana), nước Ca-tì-la-vệ (Kapilavastu).

Lớn lên, Thái Tử thấy chúng sanh đau khổ, trong nước chia nhiều giai cấp, còn Đạo Bà La Môn thì lẫn lộn sai biệt chơn truyền, không còn phù hợp với trình độ tinh thần và trí thức của chúng sanh nên Ngài lia bỏ giàu sang, quyết tu thành đạo mà giải thoát cho nhơn loại.

Sau khi đắc đạo với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài lập ra Phật Giáo, đánh đổ giai cấp và đề xướng chủ nghĩa Từ Bi.

Ngài nhập Niết Bàn rồi thì Phật Giáo chia làm hai tông: Bắc Tông hay Đại Thừa (Mahayana) xu hướng về duy tâm và được quảng đại quần chúng về theo. Nam Tông hay Tiểu Thừa (Ninayana) hơi thiên về duy vật và lập thuyết theo khoa học và lý trí. Tông này lại được hàng trí thức trong nước hoan nghinh.

Về sau, Phật Giáo Bắc Tông truyền bá qua nước Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam cho đến ngày nay.

Đức Thích Ca có dạy chư môn đệ như vậy: «*Bực chơn tu công viên quả mãn, đều biết được kiếp trước của mình*».

Ngài lại đơn cử một thí dụ cho dễ hiểu:

Có một người kia bỏ làng mình sang ở một làng khác, rồi lại đến ngụ một làng khác nữa. Khi trở về làng cũ là chỗ chôn nhau cắt rún, người ấy nói: “*Tôi đã di cư làng này đến làng kia, ở đâu tôi cũng có cách ngôi đứng riêng: ngày nay tôi trở về cố hương*”.

Theo thí dụ trên đây, Phật ngụ ý bảo rằng bực chơn tu đắc đạo nhớ được những tiền kiếp của mình đã trải qua cũng như kẻ phiêu lưu khi trở về làng cũ, còn nhớ rõ những nơi mà trước kia mình đã cư ngụ.

Trong kinh Tục Tạng (quyển Lục Độ Tập Kinh)

có nói rõ sự tích về tiền thân của Đức Thích Ca lúc chưa thành Phật. Khi hóa sanh làm con vật, khi làm người, mà kiếp nào Ngài cũng đem của cải hoặc hy sinh cả tánh mạng bố thí cho các loài hữu hình.

Nhưng Đạo Phật không gọi điểm Linh quang là Hồn mà gọi là A-lại-da, người Tàu dịch là Trang thức hay Nghiệp thức. Theo nhà Phật, con người có Bát thức mà A-lại-da là thức thứ tám. A-lại-da là cái tâm thức, vì lúc ban sơ không giữ được tự tánh, cứ tùy theo duyên kiếp hàm tàng các hạt giống tốt xấu, lành dữ, thanh trước, và chứa đủ các món ác kiến, tà kiến, ngã chấp, pháp chấp, vì thế mà tạo nhơn thọ quả rồi phải đọa luân hồi. Khi con người chết, A-lại-da thức đi đầu thai đem theo các hạt giống ấy, tức là những dục vọng và những tư tưởng tốt hay xấu của kiếp trước, gọi là Thức thân.

II. Ở NƯỚC AI CẬP

Nước Ai Cập ở vào miền Đông Bắc Phi Châu, có một nền văn minh rất cổ, mà Tôn giáo lại vô cùng bí mật. Thử để chơn vào bãi sa mạc ấy, ta sẽ ngạc nhiên thấy nào là đền thờ, chùa miếu, nào là đồng trụ, kim tự tháp có khắc cổ tự (hiéroglyphes) với con quái vật đầu người mình sư tử (Sphinx) ngồi xồm lên như đang nghĩ ngợi điều gì. Thêm những mỏ mả đúc vào đá đưa những bực lữ ra tận bờ sông êm đềm lặng lẽ. Ai Cập thật là một pho sách quý mà các nhà khảo cổ dựa vào đó cố sức vén màn bí mật của nền Tôn giáo tối cổ nước ấy.

Cổ Ai Cập tôn thờ một vị Tố Linh Thần có ba thể phù hợp với khoa triết học của Ấn Độ: Hỏa Thần Osiris, biểu hiệu Thái Dương, xem xét và bảo hộ linh hồn người

chết, Nữ Thần Isis, biểu hiệu Thái Âm, chưởng quản cơ mầu nhiệm tạo hóa, trên hai vị thần ấy là đứng cường kiện, cao minh, tối linh, tối diệu, người Ai Cập không dám bàn luận đến cũng không dám gọi danh là gì.

Dân cổ Ai Cập tin có linh hồn bất diệt và sau khi thoát xác cần có nơi nương dựa. Vì tin tưởng thế, họ bày ra phương pháp ướp xác chết (momie) và xây những kim tự tháp là nơi trú ngụ của linh hồn các bậc đế vương, vì họ tin rằng nhờ phép huyền bí, linh hồn người chết sẽ sống lại một cuộc đời mới. (*1)

Theo lễ giáo Ai Cập, người mới nhập môn cầu đạo, trước nhất phải học tự tri. Sau khi làm lễ nhập đạo, tân Tín đồ được một Mục sư đứng giảng rằng:

“Hỡi người có linh hồn mờ tối! Người nên dự bị lấy bó đuốc soi sáng lẽ huyền vi, thì trong đêm khuya tăm tối ở cõi trần gian, người có thể tìm thấy cái Nhị xác thân sáng rõ và cái Linh hồn thiêng liêng của người được. Ta là kẻ thọ Thiên mạng đưa đường, chỉ nẻo cho người, còn chính người là vị thần hộ mạng cho người đó, vì người nắm giữ các chìa khóa đời trước và đời sau của người vậy”.

Câu trên đây (đời trước và đời sau của người) chứng tỏ Tôn giáo cổ Ai Cập tin có luân hồi chuyển kiếp.

(*1) Thông Thiên Học (Théosophie) lại bảo rằng các Kim Tự Tháp đều do các vị Chơn Nhơn cất ra và chia làm nhiều phòng điểm đạo và dạy đạo cho các đệ tử.

III. Ở NƯỚC BA TƯ

Ba Tư là một nước thuộc Châu Á, một cổ quốc rất phồn thịnh.

Ba Tư Giáo (Mazdéisme) do Đức Giáo Chủ Zoroastre lập thành, chủ trương hai vị Thần Thiện và Ác. Tôn giáo này cho rằng sự cứu cánh của tất cả loài chúng sanh là sự cứu rỗi cuối cùng (rédemption final), chúng sanh phải trải qua nhiều kiếp trả vay, nhơn hồn mới được hưởng hạnh phúc cuối cùng.

Tôn giáo Ba Tư đánh đổ cái quan niệm một cảnh địa ngục giam hãm linh hồn đời đời kiếp kiếp, trái hẳn đức Từ bi của Tạo Hóa.

IV. Ở NƯỚC HY LẠP

Hy Lạp là một nước thuộc Nam bộ Âu Châu, khai hóa rất sớm, tất cả văn hóa Âu Châu gốc bởi đó mà ra.

Nhà hiền triết Pythagore, vừa là một nhà chánh trị và tôn giáo cải cách, sau khi học đạo qua mấy nước Ai Cập, Ba Tư, Ấn Độ, trở về Hy Lạp xướng lên thuyết Luân Hồi. Thuyết này gồm có hai phần: phần tâm truyền riêng dành cho các cao đồ trí thức lãnh hội về khoa huyền bí, phần công truyền để dạy hạng thường nhơn trí thức còn kém cỏi. Chính phần công truyền này để ra cái thuyết *“Luân hồi thối hóa”*.

Theo thuyết này, ông Timée de Locres, một môn đồ của Đức Giáo Chủ Pythagore bảo rằng: *“Linh hồn kẻ hèn nhất chuyển kiếp làm đàn bà để chịu khinh bỉ nhục nhã, linh hồn kẻ sát nhơn chuyển kiếp làm ác thú để đền tội, linh hồn kẻ tội bại vô liêm chuyển kiếp làm heo lợn, kẻ*

nhẹ dạ hay thay lòng đổi tánh chuyển kiếp làm chim bay trên không khí, bọ lười biếng điên ruộng, ngu dốt chuyển kiếp làm thủy tộc.”

Ông Hérodote mà thời nhơn suy tôn là “*Ông cha của lịch sử*” (Le père de l’histoire) tin rằng những linh hồn trong sạch có thể tấn hóa lên các vì tinh tú.

Một cao đồ khác nữa của Đức Giáo Chủ Pythagore là nhà hiền triết Platon, nêu ra hai luận thuyết:

– **Theo luận thuyết thứ nhất**, ông bảo trên thế gian vì sự tử kế tiếp sự sanh, người ta có thể suy ngược lại mà bảo rằng sự sanh cũng kế tiếp sự tử vậy. Lại không có cái gì từ chỗ không mà sanh ra được, cho nên nếu những người chết rồi mà chẳng tái sanh, thì tất cả vạn vật sẽ nối tiếp nhau đi vào chỗ chết mà tiêu diệt.

– **Theo thuyết thứ hai**, ông căn cứ vào ký ức lực mà lập luận, ông cho rằng học hỏi tức là nhớ lại. Rồi ông suy luận, nếu linh hồn chúng ta nhờ học hỏi mà nhớ đã có sống một lần nào rồi trước khi nhập vào xác hiện tại, tại sao chúng ta chẳng tin rằng sau khi lìa bỏ cái xác hiện tại, linh hồn chúng ta sẽ liên tục thác sanh nhiều kiếp khác nữa.

Ông Platon còn quả quyết linh hồn nào đã tấn hóa đến chỗ toàn thiện, thì không còn chuyển kiếp nữa. Nhưng trước khi lên tới bậc cao siêu ấy, tất cả linh hồn sau khi thoát xác phải xuống địa ngục hàng ngàn năm, đến lúc tái sanh (đi đầu thai) vì phải uống nước sông Léthé nên quên cả tiền kiếp của mình.

Tân học phái Platon

Về sau các môn đồ ông Platon dựa theo học thuyết

của thầy mà lập ra một học phái mới, gọi là Tân học phái Platon (Ecole néo Platonienne). Tông đồ học phái mới này, nhứt là ông Plotin càng làm cho thuyết luân hồi được rõ rệt thêm lên. Nguyên ông có biên tập 64 bộ sách, mỗi bộ gồm 9 quyển gọi Ennéades. Trong những kinh điển ấy, ông thường lập đi lập lại cái thuyết luân hồi. Ông bảo đó là một tín điều đã được công nhận từ đời thượng cổ và truyền bá khắp hoàn cầu, linh hồn nào phạm tội phải chịu hình phạt nơi địa ngục, mãn hạn sẽ được chuyển sanh vào một xác mới để chịu nhiều cuộc thử thách.

Trong quyển thứ chín của bộ hai, ông bảo: “*Thiên mạng của các Đấng Thần Linh qui định cho mỗi người trong chúng ta một kiếp số tương đối với những hành vi của chúng ta trong mỗi kiếp trước.*”

Một môn đệ của ông Plotin là Porphyre cũng bác thuyết “*Luân hồi thoái hóa*”. Theo Porphyre, linh hồn con người dù có nhiều tội lỗi đi nữa vẫn chuyển kiếp làm người thôi.

Tóm lại, theo chỗ tin tưởng của các môn đồ ông Pythagore và Platon, thì không có hình phạt vĩnh viễn. Tất cả linh hồn đều tấn hóa thêm lên và nhờ sự cố gắng của mình sẽ tiến lần đến sự cứu chuộc cuối cùng.

V. Ở NƯỚC Ả RẬP

Nước Ả Rập là một đại bán đảo ở về miền Tây của Nam Á Đông. Thành La Mecque Thánh địa của nước này, là nơi giáo chủ Mahomet giáng sinh. Ngài phải mất 15 năm công phu suy gẫm để tìm phương pháp cải cách tôn giáo và xã hội cho dân Ả Rập. Như đó Ngài lập ra Hồi Giáo (Islamisme) năm 622 sau Tây lịch kỷ nguyên.

Lúc sơ khai, Hồi Giáo được nhiều người hoan nghênh nhập môn cầu đạo, mà cũng bị lắm kẻ đứng lên kích bác và đánh đổ kịch liệt. Sau khi Đức Mahomet qui vị, các môn đồ tiếp tục truyền bá mỗi Đạo và được thịnh hành nhứt ở Trung Á, Tây Á, Bắc Phi, Thổ Nhĩ Kỳ và miền Tây Bắc Trung Hoa.

Giáo lý của Hồi Giáo được giảng trong Thánh kinh Coran gồm có 114 chương bằng chữ Ả Rập. Hồi Giáo tin có số mạng, tiền định (prédestination) cho nên nếu một tai nạn nào xảy đến cho người Ả Rập, họ tự nhủ: *“Việc này đã tiền định rồi”*.

Thuyết Luân Hồi được chỉ rõ trong Thánh kinh Coran, chương XXX:

“Đức Thượng Đế hóa sanh vạn vật cho luân hồi chuyển kiếp nhiều lần tới khi chúng trở về với Ngài”.

VI. Ở XỨ JUDÉE

Do Thái Giáo (Judaïsme), tôn giáo của người Do Thái (Juifs), là nguồn gốc của Cơ Đốc Giáo (Christianisme). Thánh Kinh (Bible) vốn có hai phần: phần thứ nhứt nói về Đạo Do Thái, gọi Sấm truyền cũ hay Cựu ước (Ancientestament), phần thứ nhì nói về Đạo Cơ Đốc gọi Sấm truyền mới hay Tân ước (Nouveau Testament).

Dân Do Thái cho rằng cả thế gian đều tin có luân hồi chuyển kiếp.

Sự tin tưởng ấy thấy nói một cách bóng dáng trong Thánh kinh nhưng được giải rõ hơn trong những kinh Phúc âm (Evangiles).

Thử xem những đoạn sau đây:

“Nguyên dân Do Thái tin tưởng rằng theo Cựu ước, ông Elie sẽ trở lại thế gian trước khi Đấng Cứu Thế (Messie) ra đời. Cho nên, khi môn đồ của Chúa Giê-su hỏi Ngài Elie đã đến chưa, Ngài đáp: Elie đã đến rồi, mà người ta không nhận biết, song họ lại xử với Người theo ý muốn của mình. Con người phải chịu khổ nhọc với họ cũng vì vậy.”

Chùng đó các môn đồ mới hiểu rằng Ngài ám chỉ ông Jean Baptiste.

(Phúc âm Saint Mathieu, đoạn thứ 17)

Vậy, theo đoạn Phúc âm trên đây, ta thấy rõ Chúa Giê-su ám chỉ rằng Elie đã đầu thai làm Jean Baptiste đó vậy.

Một lần khác, các môn đồ thấy một người ăn xin đui từ trong bụng mẹ, liền hỏi Ngài: *“Bạch Thầy, người này trước kia đã gây tội lỗi hay vì tội lỗi của cha mẹ làm ra mà người này vừa sanh ra đã mang tật đui mù?”*

Câu hỏi trên đây chứng tỏ các môn đồ vốn tin có luân hồi quả báo.

Nếu câu hỏi ấy trái hẳn chơn lý, chừ môn đồ không khỏi bị Chúa Giê-su quở trách. Nhưng Ngài chỉ đáp: *«Không phải tại người ấy trước kia đã gây tội lỗi, cũng không phải tại cha mẹ nó gây ra, mà vốn là việc làm của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong người»*.

(Phúc âm Saint Jean, đoạn thứ 9)

Đoạn Phúc âm sau đây càng biểu lộ rõ rệt sự tin tưởng về kiếp luân hồi:

Ông Nicodème, trong dòng người Pharisieus hỏi Chúa Giê-su về kiếp tái sanh, Ngài đáp: *«Thật vậy! Thật vậy! Ta nói cùng Người, không ai thấy được cõi Trời, nếu chẳng tái sanh»*.

Nicodème thưa rằng: *“Một người đã già tái sinh thế nào được? Người đó làm sao trở vào bụng mẹ rồi sinh ra một lần nữa?”*

Chúa Giê-su lại đáp: *“Thật vậy, thật vậy, Ta nói cùng người, nếu người ta không nhờ nước và Thánh linh mà tái sinh thì không vào được cõi Trời, đừng ngạc nhiên về lời Ta bảo rằng các người phải sinh lại nữa. Gió muốn thổi đâu thì thổi, các người nghe tiếng động, nhưng không biết nó từ đâu đến và đến rồi đi đâu”*.

Nhận thấy Nicodème ngỡ ngàng không hiểu được, Chúa lại phán: *“Tại sao người là giáo sĩ dân Israël mà không lãnh hội được điều ấy?”*.

(Phúc âm Saint Jean, đoạn thứ 3)

Lời trách ấy chứng tỏ rằng Chúa Giê-su lấy làm lạ sao một nhà giáo sĩ Israël lại không hiểu sự luân hồi, vì trong thời kỳ ấy, cái giáo lý đó vốn được khẩu truyền cho các môn đồ trí thức. Những mật lý tâm truyền lúc bấy giờ đều ghi chép trong những kinh điển gọi là Kabbale đã có trước Cơ Đốc Giáo.

Về sau ông Simon Ben Jochai chỉnh đốn Kabbale dọn thành kinh Zohar nghĩa là kinh Ánh sáng.

Trong Zohar, có biên chép những khoa nội giáo tâm truyền dành riêng cho các bậc tu hành, được điểm đạo. Trong kinh ấy có nói:

“Tất cả linh hồn khổ hạnh tiến hóa từ kiếp nầy sang kiếp khác, nhưng con người không biết được kiếp tiền định của mình ra sao. Linh hồn không biết được phải luân hồi bao nhiêu kiếp và biết bao nhiêu linh hồn tại thế còn phải đọa trần chưa được phản hồi Thánh vực”.

Tất cả linh hồn sau cùng đều trở về nguyên bản là cõi thiêng liêng, nhưng phải trong sạch như lúc giáng thế, bằng chẳng vậy còn phải đọa trần nữa. Một kiếp không rồi thì hai, hai kiếp không rồi thì ba, cứ luân luân chuyển chuyển như thế mãi đến khi được hoàn toàn trong sạch mới thoát trần mà về với Thượng Đế”.

VII. Ở NƯỚC TRUNG HOA

Nước Trung Hoa từ thời Tam Đại đã có một nền văn minh rực rỡ. Người Trung Hoa rất sùng tín sự cúng tế Thiên, Địa, Nhật, Nguyệt, Sơn, Xuyên. Nhà vua lập đàn Nam Giao để tế Thượng Đế, lập nhà Xã tắc để tế Thổ Thần và Hậu tắc. Qua đời nhà Châu, học thuyết Trung Hoa đã đến cực thịnh, Lão giáo và Khổng giáo khởi đầu từ đây. Lại thêm Phật giáo từ Ấn Độ do Sơ Tổ Đạt Ma truyền sang rồi Tam Giáo cùng được truyền bá khắp nơi trong nước, gieo cho nhơn dân một tín ngưỡng sâu xa.

Lão Tử đề xướng thuyết Vô Trụ Quan một cách cao siêu tế nhị. Đạo của Ngài rất huyền bí, chỉ có các bộn cao đồ hiểu thấu thòi, người khác đầu trí thức đến đâu cũng khó lòng mà lãnh hội. Ngài không gọi Đấng sáng lập Càn Khôn Vô Trụ là Thượng Đế, mà gọi là Đạo. Trong kinh Đạo Đức của Ngài trứ tác, về phần thứ nhứt luận về Đạo, ở chương XXV Ngài viết:

“Trước khi có Trời Đất, vốn có một Đấng vô hình. Ôi! Thật là yên lặng! Riêng đứng một mình không thay đổi, châu hành chẳng dứt, có thể làm mẹ của Trời Đất. Ta vốn không biết tên gì nên gọi là Đạo”.

(Hữu nhứt vật hỗn thành, tiên Thiên Địa sanh. Tịch hễ giao hễ! Độc lập bất cải, châu hành nhi bất dãi. Khả dĩ

vi Thiên Địa chi mẫu, Ngô bất tri kỳ danh, tự chi vị Đạo).

Lập thuyết của Đức Lão Tử là trước khi có Trời Đất, chỉ có Đạo. Đạo là tinh thần của Trời Đất và vạn vật, mà Trời Đất và vạn vật là bản thể của Đạo. Đạo đã vào trong lòng người rồi thì gọi là Đức. Vậy muốn sửa mình và trị nước, phải cư xử thế nào cho trên hợp với lẽ Trời, dưới hợp cùng luân lý.

Về sau, Đạo của Ngài gọi là Đạo giáo. Cuối đời Đông Hán, Đạo giáo càng thịnh hành, Đức Lão Tử được suy tôn là Thái Thượng Lão Quân.

Ngài không đề cập đến luân hồi mà lại nói rõ về quả báo, tức là mặc nhận có luân hồi vì hai điều ấy phải nối tiếp nhau, có quả báo tức phải có luân hồi mà trả quả.

Trong kinh Cảm Ứng, Thái Thượng nói rằng:

“Sự họa phước không có cửa (không định trước), chỉ người với nó đến thôi. Điều lành và điều dữ đều có trả như bóng theo hình”.

(Thái Thượng viết: «Họa phước vô môn, duy nhưn tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình»).

Ngoài cơ báo ứng, Đức Lão Tử hay Thái Thượng Lão Quân vẫn đề cập đến Quỷ Thần, như ở chương «Minh Nghĩa Đệ Nhứt», Ngài dạy:

“Cho nên Trời Đất có đặt mấy vị Thần, tùy theo tội lỗi của người nặng hay nhẹ mà bắt lộc. Lộc bắt tất chịu nghèo, thường gặp sự buồn rầu tai nạn”

(Thị dĩ Thiên Địa hữu tư quả chi Thần, y nhưn sở phạm khinh trọng dĩ đoạt nhưn toán. Toán giảm tất bản hao đa phùng ưu hoạn).

Đức Khổng Tử sanh vào đời Ngũ Bá tranh hùng,

nhưn dân khổ sở, phong tục suy đồi nên chủ trương của Ngài thiên về thực tế rất nhiều. Ngài định đem luân thường đạo đức dạy người đời đối xử với nhau thế nào cho hợp lẽ phải, chớ không truyền bá những lẽ huyền vi u ẩn, những điều này Ngài chỉ truyền cho bậc cao đồ thôi. Ngài lập ra Lễ, Nhạc tiêu biểu cho phép trật tự và luật điều hòa của Trời Đất.

(Nhạc giả, thiên địa chi hòa dã, Lễ giả, thiên địa chi tự dã - Sách Lễ ký).

Đức Khổng Tử tin có Trời, có Quỷ Thần, có họa phước, tức là lẽ báo ứng (nhưn quả).

Theo Ngài, Trời là một Đấng vô hình mà Ngài gọi là Lý. Lý ấy rất linh động, rất cường kiện, cao minh, Chúa Tể cả vũ trụ. Lấy nghĩa cùng tốt mà nói, thì gọi là Thái Cực, lấy nghĩa bao quát khắp thế gian, thì gọi là Thiên, lấy nghĩa làm Chúa Tể vạn vật thì gọi là Đế. Ấy vậy, Trời theo quan niệm của Đức Khổng Tử, là Đấng Thái Cực hay Thượng Đế.

Đức Khổng Tử đã nhận Thượng Đế là Chúa Tể vạn vật, tất nhiên nhận có cái ý chí rất mạnh để điều khiển sự biến hóa trong thế gian cho hợp với luật điều hòa, mà một khi ý chí ấy đã định sự biến động ra thế nào, thì không ai cưỡng lại được. Ấy là Thiên mạng hay Đế mạng. Đức Khổng Tử rất trọng Thiên mạng, nên Ngài bảo: «*Không biết Thiên mạng thì không lấy gì làm quân tử*» (*Bất tri Thiên mạng vô dĩ vi quân tử giả* - Luận ngữ).

Đức Khổng Tử rất chú trọng sự cúng tế và trong lúc cúng tế phải hết lòng thành kính xem như có Thần tại đó. (*Tế Thần như Thần tại* - Luận ngữ).

Qui, Thần, theo Ngài quan niệm là khí thiêng liêng ở trong Trời Đất, mắt người không thấy nhưng vẫn thể được muôn vật không sai vật nào, đầu đầu hình như Qui Thần ở trên đầu ta, ở bên tả, bên hữu ta (*Dương dương hồ như tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu* - Trung Dung).

Ngài tin con người có xác và hồn. Khi con người chết, thịt xương chôn dưới đất mục nát và tiêu tan, còn khí thiêng (tức hồn) bay lên trên không rục rở (*Từ tất qui thổ, cốt nhục tề ư hạ, âm vi giả thổ, kỳ khí phát dương ư thượng vi chiếu minh* - Kinh Lễ).

Về nhơn quả, Ngài bảo: “*Người quân tử sợ mạng Trời, ai làm điều quấy, trái lẽ đạo phải tội với Trời, thì còn cầu nguyện vào đâu được*” (*Quân tử hùý Thiên mạng hoạch tội ư Thiên vô sở đảo giả* - Luận ngữ).

Ngài còn bảo: “*Người làm lành, Trời lấy phước mà ban cho, còn kẻ làm chẳng lành Trời lấy họa mà trả cho*”. (*Vì thiện giả, Thiên báo chi dĩ phước, vì bất thiện giả, Thiên báo chi dĩ họa* - Minh Tâm).

VIII. Ở NƯỚC NHỰT BỐN

Quốc đạo của Nhựt Bản là một tôn giáo phát khởi tại nước họ trải mấy mươi đời chớ không phải từ ngoài nước truyền sang. Quốc đạo ấy gọi là Thần giáo (Shintoïsme), trước hết thờ Thái Dương Thần Nữ (Amatérosu) biểu hiệu ngôi Thái Dương (Mặt trời), kế đó thờ chư Thần, sau nữa là thờ ông bà cha mẹ.

Người Nhựt tin có linh hồn và sau khi con người chết, linh hồn vẫn tồn tại.

Qua thế kỷ thứ 3, vì chịu ảnh hưởng văn hóa nước

Tàu và mượn Hán tự chế ra văn tự của mình, người Nhựt tuy hấp thụ ít nhiều giáo điều của Khổng giáo và Phật giáo truyền sang, nhưng quốc đạo của họ vẫn không kém phần thanh hành.

Sau cuộc Tôn giáo cải cách 1868, ngôi Thái Dương Thần Nữ được thay thế bằng ngôi Thượng Đế. Thờ cúng, người Nhựt thì chỉ dùng hương trà hoa quả thôi.

IX. Ở NƯỚC VIỆT NAM

Nước Việt Nam thuở xưa trên 1.000 năm lệ thuộc nước Tàu, tất nhiên phải chịu ảnh hưởng văn hóa nước nầy. Phạm phong tục và tín ngưỡng đều do học thuật và tôn giáo mà ra. Mà người Việt khi xưa đã theo học thuật và tôn giáo nước Tàu là Nho, Thích, Đạo rồi vào thế kỷ 19 Thiên Chúa giáo lại truyền sang. Vậy nước Việt Nam từ xưa vốn theo Tứ giáo, lẽ tất nhiên đã hấp thụ tín ngưỡng của bốn giáo ấy.

Gần đây, cách đầu lối ba mươi mấy năm, ở Việt Nam lại nổi lên phong trào Tân Tôn giáo do các Đấng Thiêng liêng lại dùng thần cơ diệu bút giảng dạy và chủ trương. Trước nhứt Đức Đạo Tổ tức Thái Thượng Lão Quân giảng lập đạo Minh Lý, có đền thờ Tam Tông Giáo Chủ là Thích Ca, Lão Tử, và Khổng Tử, cho nên đền thờ ấy gọi là “*Tam Tông Miếu*”.

Kế đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (người ngoài gọi Đạo CAO ĐÀI) xuất thế, rồi tới Đạo Minh Thiện, Minh Tân, vân vân...

Những đạo nầy chủ trương thuyết linh hồn bất diệt và Luân hồi, Quả báo.

Đạo Minh Lý có kinh “*Sám hối*”, cũng gọi là kinh “*Nhơn quả*”, là một cuốn kinh chỉ rõ lẽ báo ứng của luật Trời và khuyến khích người đời hồi đầu hướng thiện.

Về lẽ báo ứng, tức Nhơn quả, xin trích trong kinh «*Sám hối*» một đoạn dưới đây:

.....
*Điều họa phước không hay tìm tới,
 Tại người đời nên mới theo mình.
 Cũng như bóng nọ tùy hình,
 Dĩ lành hai lẽ công bình thường răn.
 Khi vận trôi lung lảng chẳng kể,
 Lúc suy vi bày lẽ khẩn cầu.
 Sau bằng ở phải buổi đầu,
 Thần minh chánh trực có đầu tư vì.
 Người làm phước có khi mắc nạn,
 Kẻ lãng loạn đặng mạng giàu sang.
 Ấy là nợ trước còn mang,
 Duyên kia chưa dứt còn đang thường đền.
 Nếu tội trách người trên thì họa,
 Cũng có khi tai họa trả liền.
 Đó là báo ứng nhơn tiên,
 Mau thì mình chịu, lâu truyền cháu con.*

Về kiếp Luân hồi, xin xem đoạn dưới đây:

*Xuống địa ngục đọa đày hành mãi,
 Đúng số rồi còn phải luân hồi.
 Hóa Công xem xét đến bởi,
 Lành siêu, dữ đọa thêm nhồi tội căn.*

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nghĩa là Đại Đạo phổ độ kỳ ba, là kỳ mật pháp này (Troisième Amnistie de Dieu). Đại Đạo do Đức Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút lập thành, tôn chỉ là «*Qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi*». Vì tôn chỉ ấy, nên Đại Đạo ngoài Thiên lý mật truyền, còn thâm nạp lý thuyết căn bản của Tam Giáo và Ngũ Chi, đồng thời Đại Đạo có trách nhiệm thuyết minh những lý thuyết đã bị người đời, hoặc vì thời gian, hoặc vì hiểu lầm mà sai biệt. Đại Đạo thờ Đức Thượng Đế bằng Thánh Tượng «*THIÊN NHÃN*».

Dưới đây là Thánh huấn của Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài giảng cơ ngày 26 tháng 5 năm 1926 cho biết ý nghĩa sự thờ phượng ấy:

“*Chúa phải hồi các con biết đặng tại sao vẽ “Con Mắt” mà thờ Thấy, song Thấy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:*

*Nhơn thị chủ tâm,
 Lương quang chủ tế.
 Quang thị Thần,
 Thần thị Thiên,
 Thiên giả Ngã dã.*

“*Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm siêu phạm nhập Thánh từ ngày Đạo bị bế. Lập “Tam Kỳ Phổ Độ” Thấy cho Thần hiệp với Tinh Khí đặng đủ Tam Bửu.*

“*Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật từ ngày bế Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tân Thần, không cho hiệp cùng Tinh, Khí.*

Thấy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. Các con hiểu “Thần cư tại Nhãn”, bố trí cho chú

Đạo hữu các con biết với. Nguồn cội Tiên Phật, yếu nhiệm là tại đó. Thấy khuyên các con mỗi khi nói Đạo, hằng nhớ đến danh Thầy”.

Khi Đại Đạo vừa sáng lập, Đức Quan Âm Bồ Tát giáng cơ tại đàn Minh Lý, dạy dâng kinh “*Sám hối*” qua cho Đại Đạo. Lễ tiếp kinh cử hành tại Thánh Thất Cầu Kho, cho nên Đại Đạo và Minh Lý Đạo cùng tụng một thứ kinh ấy.

Về kiếp Luân hồi, Đức Thượng Đế có giáng cơ dạy như thế này:

“Các con đã sanh ra tại thế này, ở tại thế này, chịu khổ nào tại thế này, rồi chết cũng tại thế này, Thấy hỏi: Các con chết rồi, các con ra thế nào? Các con đi đâu? Chẳng một đũa hiểu đặng cơ mẫu nhiệm ấy. Thấy dạy:

“Cả kiếp Luân hồi thay đổi từ trong vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm, loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn ngàn muôn muôn lần, mới đến địa vị nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế Vương nơi trái địa cầu này chưa đáng vào bậc chót của địa cầu 67. Trên địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới “Đệ nhất cầu”, “Tam Thiên Thế Giới”, qua khỏi “Tam Thiên Thế Giới” thì mới đến “Tứ Đại Bộ Châu”, qua khỏi “Tứ Đại Bộ Châu” mới vào đặng “Tam Thập Lục Thiên”, vào “Tam Thập Lục Thiên” rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đặng lên đến “Bách Ngọc Kinh” là nơi Đạo Phật gọi “Niết Bàn” đó vậy...”.

THÁNH NGÔN HIỆP TUYẾN

Về Nhơn quả, có bài Thánh huấn dưới đây, cũng trích ở Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

“Chư môn đệ và chư nhu nghe: Chim lia cội, nước tách nguồn, từ xưa con người giữa thế chẳng qua là khách đi đường, phận sự muốn cho hoàn toàn, cần phải bền chí và khổ tâm, có bền chí mới đoạt được phẩm vị thanh cao, có khổ tâm mới rõ tuồng đời ấm lạnh, lừng xằng xạo xự mùi chung đỉnh, về cân đai, rớt cuộc chẳng khác chi một giấc huỳnh lương mộng. Mỗi bậc phẩm đều đặng một vai tuồng của Đấng cầm quyền thế giới ban cho, dầu thanh cao, dầu hèn hạ, cũng phải gắng làm cho rồi trách nhiệm, hầu buổi chung cuộc, hồn lia cội trần đến nơi khởi hành mà phục hồi công cán, ai giữ trọn bậc phẩm đặng Tòa Nghiệt Cảnh tương công chiết tội để vào địa vị cao hơn chốn địa cầu 68 này, ai chẳng vẹn trách nhiệm nhơn sanh phải bị đọa vào nơi U Minh Địa để trả xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ, bằng chẳng biết sửa mình thì luật Thiên điều công chấp, khổ A Tỳ phải vương muôn muôn đời đời mà đền tội ác. Bạc nhơn sanh vì đó mà phải chịu thiên niên chìm đắm vào số luân hồi vay trả, trả vay, căn quả chẳng bao giờ tiêu đặng”.

NHỮNG BẰNG CHỨNG VỀ LUÂN HỒI

Tham khảo những kinh điển Đông Tây và cổ kim, chúng ta thấy có rất nhiều bằng chứng về kiếp Luân hồi. Muốn kể hết ra ắt phải choán nhiều trương, mất nhiều ngày giờ. Chúng tôi xin lược thuật một vài sự tích rút trong kinh điển xưa và sách vở cùng báo chí đời nay, tưởng cũng đủ gây thành một đức tin vững chắc về cơ mẫu nhiệm

kiếp Luân hồi vậy.

NHỮNG TIỀN THÂN CỦA ĐỨC ĐỊA TẠNG

I

Theo kinh Địa Tạng, Đức Địa Tạng trước khi đắc quả Bồ Tát, đã phân thân nhiều kiếp độ rỗi chúng sanh. Có kiếp Ngài sanh làm thiếu nữ, có kiếp làm nam nhơn và cũng có kiếp làm vua. Dưới đây là sự tích Ngài chuyển sanh làm một thiếu nữ dòng Bà La Môn.

Hồi thời kỳ thượng pháp, một người thuộc dòng Bà La Môn, sanh được một đứa con gái rất đoan trang phúc hậu, ai cũng đem lòng kính trọng. Nhưng mẹ nàng mê theo ngoại đạo, không bao lâu mẹ nàng mang bệnh lia trần. Vì lúc sanh tiền đã tạo nhiều ác nghiệp, nên Thần hồn phải theo nghiệp quả đọa lạc vào Vô gián Địa ngục.

Còn nàng, phần thương mẹ, phần sợ người nặng nghiệp trầm luân, nên bán tất cả ruộng vườn, rồi sắm sanh lễ vật đến chùa trước cúng dường, sau cầu nguyện Đức Phật từ bi cứu độ mẹ nàng.

Lễ bái xong, nàng nhìn sững tượng Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà khóc, không chịu ra về. Bỗng từ không trung có tiếng bảo: *“Thánh nữ đừng buồn rầu khóc lóc, để Ta chỉ chỗ thác sanh của mẹ nàng cho nàng biết”*.

Thiếu nữ vừa mừng vừa sợ, liền chắp tay giữa mặt lên mà bạch rằng: *“Xin Ngài từ bi cho biết Ngài là Đức Thánh Thần nào mà có lòng đoái thương đến kẻ phạm nấy vậy?”*.

– Ta đây là Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà Thánh nữ mới vừa lễ bái. Vì thấy nàng chí hiếu nên

mách bảo cho. Vậy nàng hãy trở về ngồi yên lặng mà tưởng niệm danh hiệu ta tự khắc sẽ biết chỗ thác sanh của mẹ.

Nàng vâng lời về nhà làm y theo lời Phật dạy, ngồi tịnh niệm trong một ngày một đêm. Bỗng nàng cảm thấy hồn mình đi tới một bờ biển cuộn cuộn ba đào, lại có vô số ác thú chạy tung tăng trên mặt nước, đồng thời hàng ngàn người đờn ông lẫn đờn bà lặn hụp dưới nước, mỗi khi trồi lên lại bị bọn ác thú ấy giành nhau cắn xé. Thêm vào đó, một bọn quỷ dạ xoa hình dung kỳ quái xúm lùa tội nhơn cho ác thú kia ăn.

Trước cảnh tượng thương tâm khủng khiếp ấy, hồn nàng lấy làm kinh sợ, song nhờ niệm Phật mà trấn tĩnh được.

Bỗng có Vô Độc Quý Vương thấy hồn nàng oai nghi rực rỡ, biết chẳng phải bậc phạm, bèn cúi đầu thưa:

– Bạch Đức Bồ Tát, chẳng hay vì chuyện chi Bồ Tát thân đến chốn này?

Hồn nàng đáp:

– Ta nghe nói giữa núi Thiết Vi có cảnh Địa Ngục, có đúng như vậy chăng?

– Bạch Bồ Tát quả đúng như vậy.

– Địa Ngục là nơi giam cầm phạm nhơn, vậy Ta có tội gì mà phải đến đây?

– Bạch Bồ Tát, đi tới đây vốn có hai lẽ, một là các Đấng có oai đức thần thông đến cứu độ phạm vong, hoặc là viếng cảnh. Hai là hồn những người tội ác đến thọ khổ hình theo cái nhơn đã tạo. Hồn nhốt nơi đây quá 49 ngày mà thân nhơn trên cõi Diêm-phù-đề không lo làm việc công đức chuộc tội giùm cho, thì hồn ấy phải thọ khổ

hình như đã định. Bạch Bồ Tát, ở bên phía Đông còn có một cái biển khác, nơi ấy sự hành phạt còn khổ hơn đây bội phần. Lại bên phía Đông biển ấy cũng có một cái biển nữa, sự trừng phạt nơi đó không biết sao mà tưởng tượng. Tất cả ba biển ấy gọi là “*Biển nghiệp*”.

Hồn thiếu nữ lại hỏi:

– Sao nơi đây chỉ toàn là «Biển nghiệp», còn địa ngục ở đâu?

– Bạch Bồ Tát, địa ngục vốn ở giữa ba cái biển ấy. Kể riêng ra thì mỗi nơi mỗi khác.

– Mẹ ta mới thác chưa bao lâu không biết thân hồn đã giam vào ngục nào?

– Chẳng biết thân mẫu Bồ Tát quý danh là chi?

– Cha ta tên Thi La Thiện Hiện, mẹ ta là Duyệt Đê Li, cả hai đều dòng dõi Bà La Môn.

Quý Vô Độc nghe nói lật đật chấp tay bạch:

– Xin Thánh giá trở về bốn xứ khỏi phải lo buồn vì bà Duyệt Đê Li đã rời khỏi Địa ngục mà lên cõi Trời cách đây ba ngày rồi. Ấy cũng là nhờ lòng hiếu thảo của con cầu nguyện nơi tháp tự của Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai nên cảm đến Phật Thánh mà được sanh về cõi Trời như vậy.

Dứt lời, Quý Vương chấp tay làm lễ xin lui. Còn thiếu nữ khi tỉnh lại nhớ rõ các việc mới biết đã nhờ Phật giúp cho hồn mình đến chỗ thác sanh của mẹ. Nàng vội vàng đến quì trước tượng Phật Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai mà phát niệm: Nay tôi nguyện cho đến kiếp vị lai nếu có chúng sanh nào tạo tội mà thọ khổ nơi Địa ngục, bất luận là kẻ thân thuộc hay người cừu oán,

tôi sẽ lập nhiều pháp môn cứu độ cho được giải thoát.

Người thiếu nữ trên đây, tức là tiền thân của Đức Địa Tạng Bồ Tát.

II

Trong đời quá khứ bất khả thuyết kiếp có hai vị quốc vương kết nghĩa lân bang với nhau rất hậu. Cả hai đều phát tâm hành thiện lo giáo hóa nhơn dân cải dữ theo lành.

Song vì nhơn dân ở các lân bang phần nhiều hay làm ác, không biết kính Phật trọng Tăng, lại mê theo Tà giáo. Hai vị quốc vương ấy thấy động lòng thương xót bèn cùng nhau tìm phương hóa độ chúng sanh thoát khỏi luân hồi nghiệp báo. Một vị thì phát nguyện xuất gia tu thành chánh quả để rồi hóa độ chúng sanh. Còn một vị thì nguyện tu hạnh Bồ Tát và nếu không độ được chúng sanh chứng quả Bồ Đề, thì quyết không chịu thành Phật.

Vì thứ nhứt vốn là tiền thân của Đức Phật Như Ý Thuyết Thí Thành Tự.

Vì thứ nhì tức là tiền thân của Đức Địa Tạng Bồ Tát lúc chưa thành đạo.

Vì lời nguyện ấy mà trải vô số kiếp, Đức Địa Tạng chưa chịu thành Phật, cứ ở quả vị Bồ Tát, hóa thân giáng thế phổ độ chúng sanh.

Đức từ bi bác ái và lòng độ sanh của Ngài thật bao la vô lượng vô biên.

III

Vô lượng kiếp trước, lúc Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai ra đời có một ông đại trưởng giả thuộc hàng hào tộc và đức độ.

Một hôm, trưởng giả gặp Phật trang nghiêm rực rỡ với cái kim thân cực đẹp, lòng ông lấy làm hân hạnh nên ông đến đánh lễ Phật và bạch: - Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử lấy làm kính phục cái dung quang nghiêm trang và cực đẹp của Ngài, chẳng rõ kiếp trước Ngài làm những hạnh nguyện gì mà kiếp này Ngài được cái kim thân như vậy?

Phật liền đáp: - Nếu trưởng giả chịu phát nguyện tu hành theo đạo Bồ Tát một lòng tinh tấn, trải vô lượng kiếp lo hóa độ chúng sanh thoát khỏi đọa, đến ngày sau cũng được thân tướng tốt đẹp như ta vậy.

Trưởng giả nghe nói liền quì xuống, phát nguyện rằng: *“Tôi nguyện từ đây cho đến muôn kiếp sau, nếu chúng sanh còn thọ khổ trong lục đạo luân hồi, tôi sẽ dùng đủ phương tiện dẫn độ đến chỗ hoàn toàn giải thoát. Được vậy, tôi mới chứng quả Phật”*.

Vị trưởng giả đây cũng là tiền thân của Đức Địa Tạng Bồ Tát.

NHỚ BÀI HÁT KIẾP TRƯỚC

Năm 1912, tờ Thông Thiên Học tạp chí “*Ubtra*” (Revue Théosophique), dưới ngòi bút của Đại Úy Florendo Battista, người nước Ý, có thuật chuyện lạ dưới đây:

Tháng 8 năm 1905, lời của Đại Úy, tiện nội có mang vừa được ba tháng. Trong khi nằm trên giường còn thức, bỗng thấy đứa con gái chúng tôi chết hơn 3 năm rồi, hiện hình về nói với mẹ nó: *“Này má, con sẽ trở lại với má đã”*. Nói xong nó liền biến mất. Tiện nội đem chuyện lạ ấy thuật lại tôi nghe và nói nếu thiệt sanh con gái, thì nên đặt tên là Blanche, tức là tên đứa gái đã qua đời. Tôi cho là chuyện mộng mị và mặc dầu không tin, tôi vẫn hứa cho

tiện nội vui lòng. Phải biết, thuở giờ, tôi không chịu tin cái thuyết đầu thai nhiều kiếp.

Sáu tháng sau, tiện nội quả sanh được một đứa gái giống hệt con Blanche, vợ tôi hết sức vui mừng. Sự giống nhau đó, đối với tôi, không có chi là lạ, vì tôi tự nghĩ hễ có mang mà mơ tưởng đến ai, khi sanh con, nó giống người ấy, thế thôi.

Lúc con bé được sáu tuổi, nó càng giống thêm chị nó, cho tới lời ăn tiếng nói và nét na cũng vậy. Tuy nhiên tôi không thể nào tin được con Blanche chuyển kiếp. Kịp đến khi xảy ra chuyện lạ dưới đây, tôi mới chịu đổi ý kiến.

Nguyên hồi trước chúng tôi giao con Blanche cho một chị vú chăm nom tên Marie, người nước Thụy Sĩ nói rành tiếng Pháp, mỗi lần ru em ngủ, Marie thường hát bài «Cantilène» bằng tiếng Pháp.

Sau khi con bé tôi bắt hạnh, chị vú không còn phạm sự nên xin về xứ. Từ đó, trong nhà tôi, không còn nghe bài hát ấy nữa, vả lại, có ai biết hát đâu?

Chín năm lạng lẽ trôi qua, một hôm vợ chồng tôi đang loay hoay làm lụng khít bên phòng con Blanche em, bỗng nghe có tiếng ai hát bài «Cantilène» trong phòng ấy.

Ngạc nhiên đến cực độ, chúng tôi không ai bảo ai, bước vội vào phòng, thấy con Blanche em, mắt mở trao tráo, miệng hát bài ru em ấy theo giọng Pháp một cách đường hoàng đứng đắn thật là lạ.

Tiện nội hỏi nó hát bài gì, nó đáp hát bài hát tiếng Pháp (mà có ai dạy nó tiếng Pháp đâu?)

Mẹ nó lại hỏi ai dạy nó hát, thì nó nói: «Không ai dạy hết tự một mình nó biết mà thôi».

Từ đây tôi mới chịu tin có kiếp Luân hồi.

CHO MẸ BIẾT TRƯỚC MINH SẼ TÁI SANH

Tờ Thần Linh Học tạp chí (Revue Spirite) xuất bản tháng 6 năm 1938, dưới ngòi bút của bác sĩ Carmelo Samona, thuật chuyện dưới đây:

“Ngày 15 tháng 3 năm 1910, lời bác sĩ, con gái tôi tên Alexandrine, mang bệnh lìa trần khi mới lên năm, làm cho vợ chồng tôi hết sức buồn lòng. Sau khi chôn xong ba ngày, vợ tôi nằm mộng thấy con bé về nói: “Má đừng buồn khóc nữa, vì con không xa má đâu. Rồi đây con sẽ trở về với má”.

Ba ngày sau vợ tôi cũng chiêm bao thấy y như vậy, lấy làm chuyện lạ, tiện nội liền thuật lại cho một người chị bà con nghe, thì người ấy trao cho xem một quyển sách luận về kiếp luân hồi của tác giả Leon Denis, có ý làm cho tiện nội tin rằng con bé ấy sẽ đầu thai lại trong gia đình này.

Tuy nhiên, tiện nội không thể nào tin được, vì mới bị mổ trong lúc tiểu sản, thì làm sao chữa nghén được nữa, nên vẫn buồn nhớ đến con mãi.

Một buổi sớm mai, gia quyến tôi đương cùng nhau đàm đạo, bỗng nghe gõ cửa ba tiếng. Con trai tôi chạy ra mở cửa không thấy ai hết, làm cho cả nhà hết sức ngạc nhiên. Những chuyện lạ kỳ ấy khiến vợ chồng tôi nảy ra cái ý muốn thông công với người khuất mặt bằng cách tiếp diễn chỉ chữ trên một tấm bảng có viết mẫu tự.

Ngay trong đêm đầu, có hai hồn giáng điển, một xưng là con Alexandrine, một xưng là Jeanne, em gái tôi chết hồi 15 tuổi, nó nói về giúp cho hồn con tôi giáng điển. Hồn con Alexandrine lại báo tin trước rằng trước lễ Chúa

Giáng Sinh (Noël), nó sẽ trở lại với gia đình.

Từ đây, đêm nào cũng có “cầu cơ”, hồn con tôi bảo rằng nó chỉ về được ba tháng thôi, sau thời gian ấy không về được nữa, vì nó phải đầu thai.

Ngày 10 tháng 4 năm 1910, tiện nội cảm thấy trong người dường như có mang.

Qua ngày 4 tháng 5, hồn con tôi về cho hay nó sẽ trở lại dương gian với một hồn nữa đầu thai một lượt.

Mặc dầu những tin báo trước như vậy, vợ tôi vốn chẳng nguôi ngoai, vì nghĩ rằng nếu thật hồn con Alexandrine có đầu thai đi lại đi nữa, hình dung nó cũng không thể in hết như xưa. Hồn con Jeanne vẫn hiểu thấu chỗ thắc mắc ấy, nên bảo: “Adille (tên vợ tôi) đừng lo ngại, con nhỏ sau này chẳng những giống hệt Alexandrine khi xưa, mà còn đẹp đẽ hơn nữa kia.

Qua tháng 8, bác sĩ coi nói vợ tôi thật có thai mà lại song thai nữa.

Quả thật ngày 22 tháng 01 năm 1911, vợ tôi sanh một lượt hai đứa gái khác hẳn nhau từ nước da tới mặt mũi, nhưng một đứa lại giống hệt con Alexandrine».

CHUYỆN LUÂN HỒI Ở VIỆT NAM

“Cao Đài Tạp Chí” (Revue Caodaïste) xuất bản bằng Pháp văn, số ra tháng Giêng năm 1931 dưới ngòi bút ông Hiến Pháp, có thuật lại chuyện một đứa bé Việt Nam 7 tuổi nhớ được tiền kiếp của nó. Dưới đây là bản dịch bài báo ấy:

Trong số xuất bản vào tháng 8 vừa rồi, chúng tôi có thuật sơ chuyện một đứa bé Việt Nam nhớ được những

kiếp trước của nó, và chúng tôi có hứa sẽ trở lại chuyện này với chi tiết đầy đủ và rõ ràng hơn.

Nên nói rõ rằng chúng tôi đã hai lần đến viếng đứa bé kỳ lạ ấy nơi nhà nó ở làng Đức Lập (quận Đức Hòa, hạt Chợ Lớn). Lần đầu tiên, chúng tôi tiếp chuyện với nó trước mặt cha mẹ nó, nhưng không hỏi được điều gì đáng kể, là vì đứa bé sợ cuộc điều tra của chúng tôi nên đối với những câu hỏi của chúng tôi, nó chỉ đáp mập mờ và vắn tắt.

Đứng trước một trường hợp hiếm có và rất đáng khảo cứu kỹ càng, chúng tôi nhận thấy cần phải điều tra một lần nữa với đứa bé ấy và với một người bạn thân làm giáo học ở tại Tân Phú Thượng vì người này trước kia đã đem nó về ở nhà mình nhiều ngày đặn đủ thì giờ quan sát.

Dưới đây là kết quả cuộc điều tra thứ hai:

Đứa bé ấy 7 tuổi, Phạm Văn Non. Cha mẹ nó nghèo hiện ở tại Đức Lập, một làng cách đường quốc lộ số 15 lối sáu cây số ngàn.

Một hôm, đứa bé ấy đang chơi ở vệ đường thấy ông chú nó dắt trâu đi qua, nó liền hỏi:

– Ông chú đi đâu vậy?

Ông lão đáp:

– Tao đi đốn cây cất nhà.

– Ông nên bỏ ý định ấy đi, vì trong 10 bữa nữa đây, ông sẽ chết kia mà.

Ông lão làm thình bở đi vì ông cho đứa bé nói đùa. Tuy nhiên, về đến nhà, ông không quên thuật chuyện ấy lại cho cha mẹ nó cùng ít người hàng xóm được nghe.

Thế mà ông lão chết đúng y lời tiên tri của đứa bé.

Tin ấy tràn lan ra khắp cả làng, nhiều kẻ háo kỳ đổ xô đến nhà tên Non và cật vấn nó nhiều điều. Với những người có ít nhiều học thức, nó vui lòng đối đáp. Trái lại, đối với bọn vô luân, nó chỉ trả lời miễn cưỡng và vắn tắt. Trong những điều phát giác của nó đáng chú ý nhất là câu chuyện tiền thân của nó như dưới đây:

«Trước kia, vốn lời của đứa bé, tôi đầu thai làm đàn bà, mẹ của một vị hương chức tên C... ở Sông Tra (Đức Hòa). Hiện giờ, trước ngôi nhà cũ của tôi có một hàng cây. Tôi nhớ rõ có đóng lút một cây đinh trong thân một cây cau, ngày nay vẫn còn. Trong ngày giờ này, người ta đương làm đám giỗ tôi. Rất tiếc là tôi không đến dự được.

Lời tiết lộ lạ lùng và đột ngột ấy đã kêu gọi tánh háo kỳ của một vài người, nên họ đích thân đến Sông Tra điều tra coi có đúng như vậy chăng. Và họ hết sức ngạc nhiên mà xác nhận điều ấy.

Đứa bé còn quả quyết rằng nó đầu thai một lượt với một đứa gái tên Tang, con của một cô đào hát ở gần đó. Nghe vậy người ta dẫn nó tới rạp hát, nó chỉ ngay đứa gái ấy giữa một đám đông con gái khác đương ngồi coi hát. Người ta hỏi thăm ngày sanh tháng đẻ của Tang thì cũng y như ngày sanh tháng đẻ của Non.

Hiện giờ Phạm Văn Non vẫn còn sống, lối 31 tuổi, chuyên nghề ruộng nương. Và theo lời người ta thuật lại, càng lớn Non càng quên dần những việc về kiếp trước của mình. Phải chăng vì không muốn bị người ta theo làm rộn mãi mà Non bảo thế?

MỘT HIỆN TƯỢNG LY KỶ VỀ THẦN LINH

Một đứa bé 4 tuổi, trong những trường hợp kỳ dị nhìn nhận là cha mẹ nó hai người mà thuở nay nó không biết

Đó là tiêu đề và phụ đề một bài báo đăng trong Đuốc Nhà Nam ngày 6 tháng 9 năm 1932 dưới ngòi bút ông Phan Thế Ngọc. Dưới đây là nội dung bài báo ấy:

«Thầy Đội Lang làm sở Thương Chánh ở tại Khánh Hội, trong vùng ngoại ô thành phố Saigon. Tuổi ngoài tứ tuần, thầy lấy làm sung sướng có được một đứa con gái tên Phiên, 19 tuổi mà sắc kiêu diễm sánh bằng vẻ đẹp một đóa hoa tươi nở mùa xuân. Rủi thay! Sau một cơn bệnh dày xéo lối vài ngày, thiếu nữ ấy mạng chung, để thương nhớ cho cha mẹ.

Sự chết của thiếu nữ, cũng như của nhiều người khác, không có điều gì đáng chú ý, nó sắp đi vào chỗ lãng quên. Bỗng một hôm lại xảy ra cái hiện tượng kỳ dị dưới đây:

«Số là ngày 31 tháng 8 vừa qua, thầy Đội Lang thấy một đứa bé trai lối 4 tuổi đứng ngồi trước nhà thầy. Đầu tiên thầy không chú ý tới, vì tưởng đầu là một đứa nhỏ ở lối xóm đến chơi. Nhưng, sau khi ăn cơm rồi trở ra, thầy vẫn thấy nó còn ngồi tại đó. Thấy vờ giận đuổi đi.

Đứa bé liền nói:

– Nhà tôi ở đây, sau lại đuổi tôi?

Tất nhiên lời nói ấy không khỏi làm cho thầy, vợ thầy và vài người chứng kiến lấy làm ngạc nhiên. Có người làm lanh bảo rằng đứa bé ấy vốn là con nhà ai đi lạc và trong lúc thất thần, ngộ nhận thầy là cha ruột nó. Nhưng thám Đội Lang vốn giàu lòng từ thiện, dùng lời dịu ngọt hỏi thăm cha mẹ nó tên gì và ở đâu. Đứa bé lấy tay chỉ hai vợ

chồng thầy Đội và nói: «Thì cha mẹ tôi đây, nhà tôi đây, còn gì hỏi nữa?»

Thím Đội lại hỏi nó tên gì, mấy tuổi. Nó đáp: «Con tên Mọi, 4 tuổi».

Không muốn để ý tới mấy lời vô lý ấy, thầy Đội dẫn nó đi từng nhà trong xóm kiểm cha mẹ nó mà giao lại. Đi lối 500 thước, thầy tìm được bà nội nó. Giao đứa bé cho bà lão xong, thầy quày gót trở về, nó chạy theo khóc lóc và níu kều: «Tía ơi! Tía ơi!». Thầy Đội xô nó ra rồi bỏ đi. Nó liền ngã lăn xuống đất khóc ngất lên. Thầy không thể cầm lòng, liền quay trở lại. Thấy nó chịu nín, thầy bỏ đi nữa, nó càng chạy mau theo thầy. Bà nó thấy vậy, không biết tính sao, bèn năn nỉ thầy đội tạm dẫn nó về nhà, đợi cha mẹ nó chiều đi làm về sẽ lãnh nó lại.

Ở đây, nên nói rằng gia quyến của Mọi trước kia ở Chợ Đũi, mới về cư ngụ tại Khánh Hội lối hai tuần nhứt và không hề giao thiệp với gia quyến thầy Đội Lang. Vả lại, bà nội đứa bé không bao giờ để cho cháu bà rong chơi ở hàng xóm. Bà không khỏi ngạc nhiên khi thấy cháu bà bỗng nhiên nhìn nhận vợ chồng thầy Đội, mà thuở nay nó không quen biết, là cha mẹ ruột của nó.

Chiều đến, khi cha mẹ nó tới lãnh về, nó lại không chịu theo, cưỡng bách thế nào cũng không được. Túng thế, cha mẹ nó đành tạm để nó ở lại rồi buồn bực ra về.

Tin này bủa ra khắp vùng làm cho nhà thầy Lang bữa nào cũng chật nít khách háo kỳ. Có người cắc cớ vờ lấy món gì của thầy Đội, nó chạy a tới giựt cho kỳ được.

Lại có điều lạ nầy nữa là đứa bé ấy biết rõ từng ngăn nắp trong nhà: phòng ăn, buồng ngủ, chỗ nào nó cũng

quen thuộc dường như đã ở trong nhà này lâu lắm rồi. Tên họ và ngôi thứ mấy người bà con của thầy Lang đến thăm, nó đều biết cả.

Trước cái hiện tượng lạ lùng không thể giải thích được ấy, người ta suy cứu mà tin rằng linh hồn của con Phiền, vì cảm thấy cha mẹ vô cùng đau khổ về câu tử biệt, nên đầu thai vào xác tên Mọi, cốt để làm dịu bớt phần nào sự đau thương của hai người vậy».

Tường thuật cái hiện tượng này, mục đích của tôi là trình bày nó cho các nhà Linh hồn học để tâm suy cứu, và mong ở họ một sự giải thích rõ ràng.»

CHUYỆN LUẬN HỒI Ở ẤN ĐỘ

Báo Pháp văn “*Le Populaire*”, xuất bản ngày 20-8-36 tại Saigon, cho biết tại Delhi, thuộc xứ Ấn Độ, mới đề cử một Ủy ban gồm nhiều vị lương y và bác học để quan sát một hiện tượng Luân hồi rất lạ.

Nguyên tại Delhi có một đứa bé gái 9 tuổi, tên Shanti Devi, mà từ 6 năm rồi cứ nói việc kiếp trước của nó cho cha mẹ nghe mãi. Vốn sanh trưởng tại Delhi, nàng chưa bao giờ đi đâu cả, thế mà nàng thường ngỏ ý muốn đến thành Muttra để thăm, theo lời nàng nói, chồng nàng là một chủ tiệm may nơi đó.

Nàng cứ nài nỉ như vậy mãi, thét rồi cha mẹ nàng cũng phải dò hỏi tin tức, thấy quả nhiên y như lời nàng nói.

Vài thân nhân của chủ tiệm may mà nàng nhận là chồng, nghe vậy bèn đến Delhi xem sao, thì nàng nhìn biết ngay. Người chủ tiệm cũng có đến và khi bước chơn vào nhà nàng, nàng chạy lại ôm cổ vừa reo lên: “*Chồng tôi*

đến đem tôi về đây”.

Nhơn chủ tiệm có dẫn theo đứa con trai 11 tuổi, nàng chỉ và bảo là con nàng. Nàng còn cho biết nhiều chi tiết khác về kiếp trước của nàng, và tất cả chi tiết ấy được xác nhận là đúng, như nàng nói kiếp trước nàng sanh vào năm 1902, tên Ludgi và chết ngày 24 tháng 10 năm 1925 tại thành Agra, còn con nàng cũng sanh năm 1925.

Những lời tiết lộ ấy làm cho những người ở Delhi vô cùng ngạc nhiên. Thế rồi, họ mở ra một cuộc thí nghiệm. Được dẫn đến thành Muttra, nàng nhận biết ngay những người bà con của chồng nàng đương đứng tại bến xe lửa.

Người ta lại đặt nàng trên một cỗ xe và lấy vải bịt mắt nàng lại, thế mà nàng chỉ đúng đường cho xe chạy, đi ngang qua nhà ai nàng cũng chỉ mà nói đúng cả, sau rớt nàng bảo xe ngừng rồi nói: «*Nhà tôi đây*».

Lúc ấy có một ông lão trong nhà ấy bước ra, nàng gỡ tấm vải bịt mắt rồi nói: “*Cha chồng tôi đây*”.

Diện mạo của Shanti Devi vốn không giống Ludgi, trái lại từ giọng nói đến tánh tình và cử chỉ, thấy đều y như của Ludgi vậy. Cho nên chủ tiệm may cho rằng Shanti Devi tức là Ludgi, rồi muốn cầm nàng ở lại. Thế thì người mẹ mới 9 tuổi mà con lại 11. Tuy còn phải đợi Ủy ban điều tra quyết định ra sao, nhưng chàng vẫn đinh ninh tin chắc rằng hôn vợ chàng đã nhập vào xác con bé Shanti Devi đó vậy.

CHUYỆN THAY HỒN ĐỔI XÁC

1

Chuyện thay hồn đổi xác cũng là một bằng chứng

hiển nhiên về kiếp luân hồi. Trên 40 năm về trước, tại quận Cà Mau thuộc tỉnh Bạc Liêu (Nam Việt), có xảy ra chuyện lấy làm xôn xao dư luận và báo giới một đạo. Ông phán Nguyễn Thành Cương có đem chuyện ấy diễn thành kịch, rồi in phát cho dân chúng xem mà chiêm nghiệm cơ mầu nhiệm của Đạo Trời.

Nguyên hồi năm 1914, tại tỉnh Bạc Liêu làng Vĩnh Mỹ, có cô Trần Thị Phương, tuổi độ 20, con của hương hào Trần Văn Thừa. Cô tánh tình hiền hậu, nhưng lại có cơn ngậy, thường nói lảm thảm một mình, có khi lại chết giả.

Một hôm cô chết, rồi tỉnh lại, nhưng lại nói theo giọng người Bắc Việt, và hát điệu nhà trò, vài ngày thì hết. Lần khác cô cũng chết đi sống lại rồi nói tiếng Trung Hoa xưng là Lý Thắng, 13 tuổi, ở tại Hồ Quảng, vài ngày rồi cũng hết.

Lại một lần nữa, cô cũng chết đi sống lại nhưng lần này cô không nhìn vợ chồng hương hào là cha mẹ. Cô xưng tên là Trương Thị Cừu, con gái hương cả Hiếu ở Cà Mau và đòi về đó với cha mẹ.

Vợ chồng hương hào bèn cho người đến Cà Mau hỏi thăm hư thiệt, thì hẳn nơi đây có tên Trương Thị Cừu, con gái hương cả Hiếu, bị bệnh thiên thời chết 15 năm về trước. Nghe chuyện lạ, hương cả Hiếu sai con trai mình là Gấm lên Vĩnh Mỹ thử xem cho biết. Vừa thấy Gấm, cô Phương kêu trúng tên và hỏi thăm cha mẹ. Gấm về thuật chuyện lạ ấy lại cho vợ chồng hương cả Hiếu nghe, thì bà cả đích thân đến nhà hương hào Thừa, hỏi Phương nhiều việc riêng, thì Phương nói đầu trúng đấy. Bà lại nói: “*Nếu thiệt hồn con nhập xác Phương, thì xuống ghe mẹ lựa coi có vật nào là dấu tích của con để lại hãy đem lên đây cho xem*

thì mẹ mới tin”.

Phương bèn xuống ghe đem lên một chiếc mùng và bảo rằng mùng đó chính của cô (hồn Thị Cừu) đã may trước khi từ trần. Lúc bấy giờ, bà cả mới tin thiệt là hồn con bà. Rắc rối là xác Thị Phương, mà hồn là hồn Thị Cừu, bà không biết đối xử thế nào. Việc đem ra tới quận Vĩnh Mỹ yêu cầu ông chủ quận H. Ng. B phân xử giùm. Ông này chẳng biết sao, phải xử phân hai, dạy Thị Phương phải lui tới cả hai nhà.

Khi Phương trở về Cà Mau với cha mẹ (về phần hồn), cô nhìn biết đủ mọi người trong gia thuộc, và biết dẹt chiếu bông là kỹ nghệ đặc biệt của Cà Mau.

Về cái hiện tượng kỳ dị này, hồn Thị Cừu (trong xác Thị Phương) nói rằng khi cô đau thiên thời mà chết, nhưng không phải chết thiệt, song cha mẹ vội đem chôn, cho nên lúc tỉnh lại không lên được phải chịu chết luôn dưới mả. Oan hồn của cô vì chưa tới số, phải kiếm nơi nương dựa cho tới khi gặp được xác Phương phù hợp với cô, nên mượn mà sống lại.

2

Báo “*Religio Philosophical*”, xuất bản tại thành Chicago (Hiệp Chúng Quốc), dưới ngòi bút của giáo sư Hogdson, có đăng chuyện sau đây, nhan đề là “*Chuyện lạ tại Watseka*”.

“Năm 1777, tại Watseka (Hiệp Chúng Quốc), cô Mary Roff, 18 tuổi, mang bệnh lâm chung. Hai tháng sau khi cô từ trần, lại có gia quyến tên Vannum về ở tại Watseka với một đứa bé gái mới một tuổi rưỡi, tên Lurancy. Nguyên Vannum trước kia cũng có ở nơi đây, sau lại sang làm ăn

ở nơi khác, lần này về ở cũng chẳng lâu, rồi lại đi nữa. Lurancy chưa bao giờ biết mặt Mary Roff. Sáu năm sau, gia quyến Vannum trở lại cất nhà cửa ở luôn tại Watseka.

Mẹ Mary Roff tình cờ có gặp mẹ Lurancy một lần, về sau không gặp nhau nữa, vì hai đảng ở cách xa nhau.

Kịp khi Lurancy được 18 tuổi, nàng lại đau y một chứng bệnh với Mary Roff. Thêm sự ngẫu nhiên là bác sĩ đương săn sóc nàng trước kia cũng đã săn sóc cho Mary nữa. Lurancy, trong khi ngộ bệnh, kể tên nhiều hồn ma nàng ngó thấy, nhứt là tên cô Mary mà thuở nay nàng có biết là ai đâu.

Một hôm bỗng hồn Mary nhập vào xác Lurancy, đòi đi tìm cha mẹ, bà con, chớ không chịu ở nhà Lurancy.

Thấy chuyện kỳ dị, bác sĩ Stevens liền báo tin cho gia quyến cô Mary hay. Họ lật đật đến nhà Lurancy. Thuở giờ Lurancy chưa hề biết gia quyến cô Mary, nhưng khi thấy họ đến nàng lại vui mừng nhảy nhót và reo lên: “*Kìa, mẹ tôi và chị Nervie tôi đây nữa*”.

Bây giờ Lurancy theo về với gia quyến Mary. Những người quen thuộc của Mary khi trước, nàng vẫn biết cả. Thấy mặt chị Darker và con gái chị là Nelly, là hai người trước kia nàng thích giao thiệp, nàng liền gọi trúng tên họ. Khi trông thấy cái mũ nhung mà Mary thường đội trước khi chết lối một năm, nàng chỉ và nói: «*Đây là cái mũ tôi đội lúc tóc còn ngắn đó*». Nàng còn lại nói lúc trước nàng chơi dao bị đứt tay và có nuôi một con chó rất khôn mà nay đã chết rồi. Việc gì trước kia mà Mary đã làm, bây giờ Lurancy thuật lại đều đúng y cả. Lại một điều là từ ngày về với gia quyến Mary, nàng Lurancy không còn biết cha mẹ ruột và bà con của nàng nữa. Khi nào có cha

mẹ ruột nàng đến thăm, phải có người chỉ nàng mới biết, và mỗi lần muốn cho nàng về thăm cha mẹ ruột, phải có mẹ Mary dẫn, nàng mới chịu đi. Sự thay hồn đối xác ấy kéo dài được 4 tháng, bỗng hồn Mary xuất khỏi xác để nhường cho hồn Lurancy nhập lại, cứ xuất đi nhập lại như vậy trong 15 ngày, rồi hồn Lurancy chiếm lại thiết thọ cái xác của mình. Bây giờ Lurancy không chịu ở nhà Mary nữa, nên trở về với cha mẹ ruột của nàng. Từ đây, những chuyện cũ của Mary, nàng đều quên cả.”

TẠI SAO NGƯỜI TA NHỚ ĐƯỢC KIẾP TRƯỚC?

Không khỏi có người lấy làm lạ hỏi tại sao có kiếp luân hồi, mà chỉ có một ít người nhớ được kiếp trước của mình thôi? Và tại sao những kẻ khác lại không nhớ được?

Muốn giải đáp được nghi vấn này, cần phải nói dài dòng.

Theo nội khoa bí truyền con người có 4 thể là:

1. **Vật thể**, tức là xác thịt (Corps physique = Rupâ).
2. **Khí thể** hay Phách, gọi nôm na là Vía, thuật Âm phù gọi Tương tinh (Double étherique = Linga - Sharira).
3. **Thần thể** hay **Chơn thần** (Corps astral = Kama).
4. **Thánh thể** Phật giáo gọi là Mạt na thức hay Truyền tống thức. Tâm lý học gọi là trí thức (Corps mental inférieur = Manas inférieur).

Nên biết, những việc của ta đã làm, tuy đã qua rồi, dẫu lâu hay mau cái ấn tượng của nó vẫn còn, nhờ vậy mới nhớ được. Cái trụ sở của ký ức (trí nhớ) vốn không phải tại khối óc như nhiều người lầm tưởng, mà ở tại mấy thể

khác (Khí thể, Thần thể, Thánh thể). Sự thí nghiệm cho biết nếu dùng phép thôi miên trực thân một người nào, thì người ấy, trong khi ở vào trạng thái thôi miên, nhớ lại được những việc họ đã làm trong kiếp trước. Đó là bằng chứng ký ức ở trong Chơn thân, tức Thần thể.

Mỗi lần chuyển kiếp, bốn thể đều thay đổi, bốn thể cũ đã tan thì con người nhờ đâu mà nhớ được kiếp trước chớ? Ông Platon bảo linh hồn trước khi đi đầu thai, vì uống nước sông Léthé nên quên hết kiếp trước, cũng như người mình nói tại ăn “*Cháo lú*”, đó chỉ là mượn lời nói bóng mà thôi.

Có khi linh hồn mới vừa bỏ xác thịt và phách lại được đi đầu thai liền, nên còn giữ Chơn thân và Thánh thể cũ nhờ vậy mà lúc tái sanh, nhớ được kiếp trước, như mấy chuyện đã thuật ở mấy trường trước.

Như trên đã nói, mỗi lần chuyển kiếp, 4 thể cũ đã tan, để thay vào 4 thể mới, thể mà ký ức không mất, nó chỉ rút vào nhơn hồn như những hạt giống luân hồi (atomes permanents) rút vào đó vậy. Nhơn hồn nào trình độ tấn hóa còn thấp thôi, khi tái kiếp không thể nhớ được những việc đã làm cùng những điều học hỏi và kinh nghiệm ở kiếp trước, lần lần tấn hóa thêm lên, thì nhớ được mang máng vậy thôi. Những bậc thần đồng ở vào trường hợp này. Lại có khi chúng ta bỗng nhiên hiểu được nhiều vấn đề đạo lý cao siêu, không cần lý trí và học cứu. Đó là nhờ cảm giác những điều học hỏi và kinh nghiệm trong kiếp trước vậy. Sự cảm giác ấy gọi là trực giác (intuition).

Cũng vì lẽ ấy mà Đạo Nho nói: “*Bực Thánh nhơn sanh ra tự nhiên hiểu biết, không cần học cứu*” (Thánh nhơn sanh nhi tri chi).

THẦN ĐỒNG

Thử xem hai đứa học sanh: đứa này học được nhiều năm, đứa kia mới cắp sách đến trường. Đứa học lâu tất nhiên học giỏi hơn đứa mới nhập học.

Và cùng học một lớp, cùng được một thầy ân cần dạy dỗ, tại sao đứa thông minh đứa u ám?

Lại cũng trên quả địa cầu này, tại sao có dân tộc văn minh và dân tộc dã man lạc hậu?

Sự sai biệt ấy, ai cũng biết là do trình độ tấn hóa khác nhau. Đứa học sanh u ám, một dân tộc kém văn minh là tại ít tấn hóa. Nói tấn hóa đây, tức là nói luân hồi chuyển kiếp. Phàm một kiếp luân hồi là một nấc thang tấn hóa. Dân tộc dã man là dân tộc còn mới trên đường tấn hóa, tức mới trải qua ít kiếp luân hồi, nên ít kinh nghiệm, ít học hỏi. Trái lại, dân tộc văn minh là dân tộc đã lâu đời trên đường tấn hóa, tức đã trải qua nhiều kiếp luân hồi, nên thấu đạt được nhiều kinh nghiệm, nhiều học thức.

Đành rằng kiếp luân hồi là kiếp chung cho Vạn linh, nhưng trình độ tấn hóa của một kiếp riêng con người lại do thời gian của điểm Chơn linh dùng để tấn hóa, kể từ khi bắt đầu thác sanh xuống thế. Cái trình độ tấn hóa thấp hay cao là do điểm Chơn linh đã trải qua ít hay nhiều kiếp luân hồi vậy.

Các vị thần đồng là người đã được nhiều kiếp luân hồi và trong nhiều kiếp ấy, kiếp nào cũng chuyên học một khoa hay một nghệ thuật nào, nên học lực về các môn ấy được trội hơn bậc thường nhơn. Vậy có nhiều hạng thần đồng, có hạng giỏi văn chương nghệ thuật, có hạng giỏi toán pháp, âm nhạc hay hội họa, v.v...

Có thần đồng tức là có bằng chứng về kiếp luân hồi. Ai không chịu tin có kiếp luân hồi tất không thể dựa vào đâu mà giải thích được nguyên do cái siêu năng kỳ diệu của mấy vị thần đồng ấy.

THẦN ĐỒNG XƯA VÀ NAY

Từ Âu sang Á, từ cổ cập kim, nước nào và thời đại nào cũng có bực thần đồng.

Bên Trung Hoa, Cam La mới 12 tuổi đã được Tần Thi Hoàng phong chức Thượng Khanh. Thuở ấy vua nước Yên sai Thái Tử Đan qua nước Tần mượn Đại Tướng nước Tần là Trương Đường giúp Yên đánh Triệu. Lữ Bất Vi, tức cha ruột Tần Thi Hoàng, đương làm Tế Tướng cũng nói giúp vào, nhưng Trương Đường sợ đánh không thắng Triệu, nên quyết chẳng chịu sang giúp Yên. Bất Vi thấy vậy lấy làm buồn bực. Cam La đương ở làm hạ khách cho họ Lữ hay được liền nói: *“Tưởng việc gì khó, chớ việc thuyết phục Trương Đường, tôi thấy dễ như lấy đồ trong túi”*. Bất Vi giận nói: *“Ta làm tới bực Tế Tướng, một tay điều khiển muôn binh, chỉ thua vua một bực, vậy mà Trương Đường không chịu tuân thay, huống chi người là một đứa bé, tài gì nói cho hắn nghe theo?”*. Cam La cười đáp: *“Vậy ngài không nhớ thuở xưa Hạng Thác mới 7 tuổi mà thuyết phục được Khổng Tử đó sao? Nay tôi 12 tuổi, hơn Hạng Thác tới 5, tất nhiên phải hiểu biết nhiều hơn Hạng Thác”*.

Nghe lời nói khẳng khái ấy, Bất Vi vui lòng để Cam La đi. Trương Đường tiếp rước Cam La rồi hỏi đến có việc chi, Cam La đáp: *“Tôi đi qua điều tướng quân”*. Trương Đường lấy làm lạ hỏi:

– Tôi còn sống sờ sờ đây mà ngài nói vậy nghĩa là

làm sao?

- Tướng quân sống cũng như chết rồi kia.
- Xin ngài cắt nghĩa.

– Tướng quân tài không bằng Bạch Khởi, quyền hành thì Phạm Thơ không bằng Lữ Bất Vi. Mà hồi trước Bạch Khởi vì không tuân lệnh Phạm Thơ sai chàng đánh Triệu, nên thọ tử hình. Huống chi họ Lữ bây giờ có đủ quyền thế mà tướng quân lại cãi lệnh, vậy có phải tướng quân là người chết chưa chôn đó không?”

Trương Đường nghe lời hữu lý, giựt mình, cây Cam La về thừa lại với Bất Vi, ông bằng lòng sang đánh Triệu.

Cam La lại được Tần Thi Hoàng sai đi sứ qua thuyết phục vua Triệu. Triệu Vương thấy Cam La còn nhỏ, cười hỏi mỉa mai: *“Bên nước Tần hết người lớn rồi thì phải?”*

– Tâu bệ hạ, người lớn thì không thiếu gì, nhưng mỗi người phải tùy việc lớn nhỏ mà làm, lớn thì lãnh việc lớn, còn đi sứ bên nước Triệu đây vốn là việc nhỏ, nên hạ thần tuổi nhỏ phải đi”.

Vua Triệu nghe nói, lấy làm thán phục Cam La. Nhon cơ hội ấy Cam La mới thuyết phục được Triệu Vương chịu dâng thành cho Tần mà xin giao hảo.

Ở nước Việt Nam, vào đời Trần Thái Tôn, Nguyễn Hiền mới 12 tuổi được nổi tiếng thần đồng. Lúc Nguyễn Hiền còn là một thiếu sanh, có một ông huyện nơn nghe danh họ Nguyễn, bèn ra cho ông câu đối sau nầy cốt để thử sức và trêu đùa:

– *“Học trò là học trò con, quần áo lon xon là con học”*

trò”.

Nguyễn Hiền chẳng cần suy nghĩ, đối lại:

– “Ông huyện là ông huyện thằng, ăn nói lằng xằng là thằng ông huyện”.

Nghe câu đối ấy, ông huyện chẳng những không giận mà còn thán phục thiên tài và chí khí của vị thần đồng.

Ở nước Pháp, ông Pascal vốn là một bậc thiên tài của thế kỷ 17: ông giỏi về hình học, vật lý học, triết học, luôn cả về văn chương. Lúc mới 12 tuổi, ông đã nổi tiếng thần đồng. Với từng ấy tuổi, ông không học hỏi sách nào thế mà đã tìm hiểu được những định lý đầu tiên về hình học của Euclide (Premières propositions de géométrie d'Euclide). Qua 16 tuổi, ông viết quyển «Khái luận về thiết diện hình nón» (Traité des sections coniques), làm cho nhà triết lý vừa toán học nước Pháp lúc bấy giờ là Descartes phải ngạc nhiên thán phục.

Nhà thiên văn học và toán học người Đức là ông Gauss, lúc mới lên ba, đã giải được những bài toán đố về số học.

Ông William Hamilton, một triết gia xứ Ecosse, hồi 3 tuổi, đã học được tiếng Hy bá lai (Hébreu), đến 7 tuổi, học lực của ông đã trội hơn phần đông cử tử thi bằng thạc sĩ. Lên 13 tuổi, ông biết được 12 thứ tiếng.

Ông Michel Ange, người nước Ý, lúc lên 8, học nghề hội họa giỏi đến nỗi thầy dạy ông là Ghirlandajo, bảo ông không còn gì phải học nữa.

Ông Mozart, người nước Áo, mới 4 tuổi đã biết đánh

dương cầm, đến 11 tuổi, ông đặt 2 bản hát đem diễn tại hí viện: bản Finta Simpliste và bản Bastien et Bastienne.

Thần đồng nếu kể ra còn nhiều lắm. Chúng tôi xin nói sơ lược vài vị thôi, và lập lại rằng nếu không có kiếp luân hồi, tất không thể dựa vào đâu mà giải thích được nguyên do cái siêu năng kỳ diệu của những bậc phi thường ấy.

CHƯƠNG BA

- Nhơn quả
- Thời gian báo ứng
- Chuyện Nhơn Quả
- Tiên kiếp Nhơn quả
- Trả nợ tín thí
- Đức Cửu-ma-la-đa giảng cơ báo ứng

NHƠN QUẢ

Có luân hồi tất có nhơn quả, hai việc ấy vốn liên tục nhau.

Điểm linh quang (hồn) thác sanh xuống cõi phàm, mục đích để học hỏi kinh nghiệm mà tấn hóa. Chuyển sanh xuống cõi sắc giới, tất phải mượn sắc thân mà hành động. Càng hành động, càng tạo nhơn. Tạo nhơn, linh hồn tái sanh phải trả quả, theo phép công bình Thiên đạo.

Từ xưa đến nay, dầu trình độ trí thức thấp hay cao, nhơn loại phần nhiều đã tin có cơ báo ứng, tức là cơ nhơn quả.

Đạo Phật dạy: “*Cha làm điều chẳng lành, con không chịu thể được, con làm điều chẳng lành, cha không chịu thể được. Làm lành tự được phước, làm dữ tự mang họa*” (Phụ tác bất thiện, tử bất đại thọ, tử tác bất thiện, phụ bất đại thọ. Thiện tự hoạch phước, ác tự thọ ương).

Đạo Lão dạy Cảm Ứng có câu: “*Điều lành, điều dữ đều có trả, như bóng với hình*” (Thiện ác chi báo, như ảnh

tùy hình).

Đạo Nho dạy: “*Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa*” (*Chường đậu đắc đậu, chường qua đắc qua*).

Lại có câu: “*Điều lành dữ cuối cùng đều có trả, khác nhau chỉ đến chóng hay chầy thôi*” (*Thiện ác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì*).

Chúa Giêsu dạy: “*Ai sử dụng đao kiếm sẽ chết về đao kiếm*” (*Qui manie l’épée périra par l’épée*).

Tục ngữ Pháp có câu: “*Ai gieo gió thì gặt bão*” (*Qui sème le vent, récolte la tempête*).

Tục ngữ Việt Nam có câu: “*Đời xưa quả báo thì chầy, đời nay quả báo một giây nhơn tiên*”.

Những câu trên đây đều biểu lộ rõ rệt cái quan niệm Nhơn quả vậy.

Đấng Tạo Hóa chí công, không vì thương mà thưởng, cũng không gì ghét mà phạt. Ngài chỉ lập ra *Luật nhơn quả*, cũng gọi là *Luật báo ứng*, là cái qui tắc định rằng hễ nguyên nhơn như thế nào, thì kết quả như thế ấy.

Ta thử nhìn vào một tấm gương, mặt ta sạch (Nhơn), gương rọi ra sạch (Quả), trái lại, mặt ta dơ, gương rọi ra dơ.

Và ta thử ném vào vách tường một quả banh cao su, ném nhẹ (Nhơn), tức banh dội lại nhẹ (Quả), trái lại, ném mạnh thì banh dội mạnh, Nhơn quả đại khái là thế.

Vậy, ai tạo nhơn lành (duyên lành), sẽ hưởng quả lành (nghiệp lành). Ai tạo nhơn dữ, tất rước quả dữ, chẳng sai.

Cái quả hay nghiệp vốn là kết quả cái nhơn hay duyên của chúng ta tạo ra trong kiếp trước hoặc kiếp này.

Rồi cái quả ấy lại làm nhơn cho cái quả khác sẽ báo ứng về sau. Nhơn và Quả cứ tiếp tục tương ứng như vậy mãi như bóng tùy hình mà buộc trói con người trong vòng oan nghiệp, mới có cuộc trả vay, vay trả của kiếp luân hồi.

Vậy muốn biết nhơn quả kiếp trước của ai, cứ xem cái địa vị sang hèn của người ấy ở kiếp đương sanh. Muốn biết nhơn quả đời sau của họ thế nào, cứ xem tâm tánh và hành động của họ ở ngay kiếp nầy vậy.

Nhơn quả hay nghiệp báo vốn có hai thứ: Biệt nghiệp (Karma individuel) và Cộng nghiệp (Karma collectif).

1/. Biệt nghiệp là quả báo riêng từng người, ai tạo nhơn là nấy thọ quả. Biệt nghiệp lại ứng quả có hai cách: Định nghiệp và Bất định nghiệp.

a) Định nghiệp là quả báo định trước. Nhơn hỗn nào tấn hóa khá rồi, khi được hoàn tỉnh sau cái trạng thái hỗn độn gây ra trong lúc thoát xác phạm, lần hồi thấy rõ tội lỗi đã làm (*1) rồi biết ăn năn đau khổ, tự quyết khi chuyển kiếp sẽ trả quả bằng cách nào, trong lúc nào, hoặc trong một thời gian nào nhất định. Nhơn hỗn được tự do lựa chỗ thác sanh. Nếu phải chuyển kiếp để thọ khổ mà đền tội trước, nhơn hỗn thường lựa gia đình nào bản hàn hoặc hung độc mà đầu thai cốt để có dịp cho mình trả quả.

b) Bất định nghiệp là quả báo không nhất định trước. Những nhơn hỗn thấp thời, hôn mê ám muội đã tạo ác duyên mà không tỉnh ngộ, cho nên quả ứng lúc nào hay lúc nấy, không biết tự mình quyết định.

2/. Cộng nghiệp là quả báo chung cho nhiều người phải chịu. Như nhiều kẻ đồng phạm một ác nhân, khi đến

tội, phải chịu chung một ác quả.

Cũng có nhiều kẻ, tuy tạo nơn khác nhau, song tội đồng nhứt thể, đến khi trả quả vẫn chung chịu với nhau một lượt.

Lại có khi một người làm ác mà nhiều người chung hưởng lợi, tất cũng phải thọ quả đồng thể.

Tất cả nạn nơn một tai họa lớn như động đất, bão lụt, chìm tàu, hỏa hoạn, dịch khí, chiến tranh, v.v... đều là những kẻ chịu một quả báo chung vì họ đã đồng tạo một ác nơn.

Mặc dầu xa lạ nhau, mặc dầu kẻ Nam người Bắc, Thiên cơ xui khiến thế nào cho họ hiệp nhau một chỗ đặng đền tội chung một lượt.

(*1) Ở cõi phàm, con người hành động thế nào, sự hành động ấy dấu hiển hay dữ, dấu thấp hèn hay cao thượng, cái ẩn tượng của nó in gắn vào tinh chất (matière astrale) của cõi Thân (Plan astral). Đến khi hồn lên cõi Thần, cái ẩn tượng ấy hiện ra có thứ lớp rõ ràng, hồn người trông thấy chẳng khác nào mục kích một phim chớp bóng. Nhà Phật gọi là “Nghiệt cảnh đài” (psyché astrale).

THỜI GIAN BÁO ỨNG

Phàm bất câu một nguyên nơn nào cũng có cái tánh cách đem lại kết quả cấp kỳ. Nhưng lại thường có một nguyên nơn khác xen vào phản ứng (Cause contradictoire), khiến cho cái kết quả ấy phải hoãn lại một thời gian.

Tỉ như chúng ta để ngón tay vào lửa (nguyên nơn),

chúng ta bị phỏng liền (kết quả cấp kỳ). Nhưng nếu chúng ta dè dặt, bao ngón tay bằng một chất thuốc gì có công hiệu che chở, ngón tay ắt không bị phỏng liền. Lửa cần phải đốt hết chất ấy rồi mới bắt qua ngón tay.

Lớp thuốc ấy là nguyên nơn phản ứng.

Lại ở các nước miền ôn đới như Việt Nam chẳng hạn, phàm giống lúa hễ gieo xuống là nứt mộng lên mau. Nhưng ở các xứ lạnh, lúa lại chậm lên là tại tuyết giá cản ngăn. Tuyết giá vốn là *nguyên nơn phản ứng* đó vậy.

Một đứa bé chơi nghịch bị cha nó bắt nằm xuống phạt răn. Trong lúc người cha đưa roi lên sắp đánh, lại có một người khách đến thăm. Ông cha phải buông roi hoãn sự răn trừng để tiếp khách. Sự khách đến thăm ấy cũng là *nguyên nơn phản ứng*.

Cũng vì “*Luật phản ứng*” mà cái quả của một thiện nơn hay một ác nơn có khi không báo ứng ngay trong kiếp tạo nơn. Nên chúng ta thấy nhiều kẻ bạo tàn ác đức mà được giàu sang sung sướng nghinh ngang hống hách với đời. Ấy bởi họ đương hưởng cái quả của thiện nơn họ đã tạo ra trong kiếp trước. Nhưng một khi đã tận hưởng quả lành thì ngay trong kiếp đương sanh hoặc trong kiếp tái sanh, họ sẽ chịu khổ quả của cái ác nơn mà họ đương tạo.

Chúng ta cũng thấy có người hiền lương đạo đức mà lận đận lao đao, ấy là họ đương trả quả của cái ác nơn họ đã tạo ra trong tiền kiếp. Trả quả xong, họ sẽ được hưởng ngay trong kiếp nầy hay trong kiếp sau, cái quả của thiện nơn mà họ đương tạo.

Vậy, đối với thời gian, sự báo ứng có ba cách:

1.– Báo ứng ngay trong kiếp tạo nơn, gọi *đương kiếp nơn quả*.

2.– Báo ứng theo cái nơn kiếp trước, gọi *tiên kiếp nơn quả*.

3.– Báo ứng ở kiếp sau do cái nơn hiện tại, gọi *hậu kiếp nơn quả*.

CHUYỆN NHƠN QUẢ

KÉO CÀY TRẢ NỢ

Chuyện này trích ở “*Chuyện cổ nước Nam*”. Dẫu rằng, người ta có thể bảo chuyện cổ là chuyện bịa đặt, nhưng thấy tác giả tin tưởng Luật Nhơn Quả và có dụng ý khuyến thiện, chúng tôi mượn chép ra đây:

Xưa có một người tên Châu Văn Địch, làm ăn vất vả, cửa nhà đói kém, nhưng tánh khí hiền lành, ăn ở thật thà có nơn, có đức.

Trong hạt có một nhà giàu thường cho người ấy vay nợ, năm nào cũng vậy, vay vay, trả trả đã nhiều.

Gặp năm mất mùa, người ấy không trả được nợ, mà ông nhà giàu cũng không hỏi đến. Mấy năm sau, người ấy chết đi, nợ vẫn còn lại. Nên lúc hấp hối còn troi với con rằng:

*“Nợ nần chưa trả cho ai,
Hồn nầy thác xuống tuyến dài chưa yên”.*

Một đêm, ông nhà giàu kia nằm mơ, nghe có tiếng người nói ở bên tai rằng:

*“Tái sinh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa đến nghì trúc mai”.*

Sáng ra ông thấy con trâu đẻ ra được con nghé trên lưng có hai chữ “*Văn Địch*”.

Con nghé mỗi ngày một lớn, khôn ngoan để bảo, cày bừa rất khỏe. Người biết chuyện, ai cũng bảo rằng:

*“Người ăn thì còn,
Con ăn thì hết.
Đã đến lúc chết,
Hãy còn nhớ ơn”.*

Cách ít năm, hai đứa con Văn Địch khôn lớn lên, làm ăn nhờ Trời cũng khá. Một hôm đang cày ngoài đồng, nghe thấy ở thửa ruộng gần đấy có người bảo con trâu rằng:

– Văn Địch! Văn Địch! Nhanh chơn, mau bước, kéo đã trưa rồi.

Hai đứa con nghe kêu tên cha, ngạc nhiên chạy sang bên ruộng hỏi thì người kia nói rằng:

– Con trâu nầy từ lúc sanh ra, trên lưng có hai chữ “*Văn Địch*”, mà có gọi đúng tên nó như thế, thì nó mới chịu làm.

Lúc về hai đứa con vội vàng sang nhà ông nhà giàu hỏi chuyện tỏ ý muốn mua con trâu, thì ông ấy bảo rằng:

– Trước tên “*Châu Văn Địch*” có vay nợ ta, không trả được ta cũng không đòi? Có lẽ gì vậy, mà phải hóa kiếp làm con trâu nầy trả nghĩa cho ta. Đã mấy năm nay nó làm ăn chịu khó, trong nhà ta đây cũng được thanh vượng. Nó trả như thế, ta cho cũng là đủ rồi. Vậy hai người có phải là con, muốn mua chuộc về thì ta để lại cho. Ta lại trả cả văn khế cũ đem về mà hóa kiếp cho yên hồn cha.

Khi hai đứa con chuộc được con trâu về, vừa đem tờ văn khế ra đốt, thì nó lăn ra chết. Thế là nó đã trả sạch

được nợ kiếp trước rồi.

Thấy chuyện này, người ta mới đặt câu “*Kéo cày trả nợ*” thành câu tục ngữ.

TIỀN KIẾP NHƠN QUẢ

Chuyện này trích ở quyển sách “*Vấn đề con người và số phận*” của Léon Denis, trang 289 “*Le problème de l'être et de la destinée*”.

Năm 1862, ông hoàng Galitzin cùng với Hầu tước B... và Bá Tước R... đi nghỉ hè tại bờ suối nóng ở thành Hambourg. Một buổi chiều, ăn uống xong, có hơi trễ, ba người cùng đi dạo trong vườn một hí viện. Bỗng ba người bắt gặp một mù bản hàn ngủ trên một chiếc “*băng*”. Ba người liền đánh thức mù và sau khi hỏi thăm tình cảnh cơ hàn lại dẫn mù về khách sạn cho ăn uống no nê. Nguyên ông hoàng Galitzin vốn là một nhà biết thuật “*thần*” nên nảy ra ý định thôi miên mù ấy. Lại một điều là bình thường mù ấy chỉ bập bẹ một thứ thổ ngữ nước Đức, thế mà lúc ngủ mê trong giấc thôi miên mù lại nói tiếng Pháp đúng đắn và rành rẽ. Mù bảo kiếp trước vào thế kỷ 18, mù là một thiếu nữ giàu sang ở một biệt thự tại xứ Bretagne. Vì tư tình với kẻ khác, mù nhẫn tâm xô chồng từ một tảng đá xuống biển chết tươi. Cho nên kiếp này mù phải chịu bản cùng khổ để đền tội kiếp trước. Mù còn cho biết rành mạch nơi đã xây ra án mạng ấy.

Về sau, ông hoàng Galitzin cùng Hầu tước B... dò theo lời mù chỉ, đến xứ Bretagne tìm được nơi ấy, rồi hai người chia ra hai ngã để điều tra riêng nhau cho chắc ý. Lúc đầu hỏi không ai biết, sau gặp nhiều ông lão hỏi thăm thì mấy ông ấy bảo rằng có nghe cha mẹ thuật lại chuyện

một thiếu nữ kiều diễm và giàu sang ở một biệt thự nợ, vì ngoại tình, đành nhẫn tâm xô chồng xuống biển. Thế là lời mù kia thú tội trong giấc ngủ thôi miên đã được xác nhận.

Khi ông hoàng về ngang qua Hambourg, ông ghé hỏi thăm viên cảnh sát trưởng nơi đây về lai lịch của mù ấy, thì được biết mù chỉ biết bập bẹ được ba tiếng Đức và sống bằng nghề đưa rước quân nhơn.

Chuyện Nhơn quả dưới đây viết theo tài liệu rút trong bản phúc trình của Hội Khảo Cứu Thần Linh Học thành Huesce, nước Tây Ban Nha (Espagne) mà tờ Tạp chí Khoa học và Luân lý Thần Linh Học năm 1912 có đăng tải (Revue scientifique et morale du spiritisme).

Từ năm 1881 tới năm 1884, người ta vẫn thấy đi lang thang trên đường thành Huesca một người điên tên Suciác. Chàng ăn vận một cách hì hợm, cứ nói lảm thảm một mình, ai hỏi điều chi cũng chẳng trả lời. Về sau, vì thấy hấn trở nên nguy hiểm, người ta buộc phải xem chừng từng hành động của hấn.

Cũng tại thành này có một Hội Khảo Cứu Thần Linh Học (Groupe d'Etudes spirites) của một nhóm người học thức trung bình, mà Hội Trưởng là ông Domingo Montréal và đồng tử là Sanchez Antonio. Đồng tử này vốn không biết chữ, nhưng lại có cái đặc biệt là “*chấp bút*” viết ra không hề chấm câu, nhưng cũng có khi viết được nhiều bài dài thậm thụt và đúng theo văn phạm.

Khi Suciác chết, hồn anh giáng bút do Antonio viết ra cho biết kiếp trước anh là vị lãnh chúa (Seigneur) thành Sangarren, vì gây nhiều tội lỗi nên chuyển sanh phải thọ

khổ mà trả quả. Suciac còn quả quyết rằng nếu muốn tin chắc nên quan sát những tài liệu trong văn khố còn giữ tại đền đài của anh ta ở trong kiếp trước tại Sangarren.

Nghe vậy nhóm người trong Hội Khảo Cứu Thần Linh Học gồm có quý ông Domingo Montréal, Severo Lain, và Marvallo Bakkestar đích thân đến cái đền cổ ấy để quan sát nhưng người nơi đó bảo rằng đền ấy không chứa một dấu vết gì về văn khố cả.

Mấy ông ấy thất vọng trở về bảo Antonio chấp bút hỏi lại thì hồn anh Suciac về cho biết những tài liệu ấy giấu kín bên cạnh lò lửa trong nhà bếp.

Đoàn quan sát bèn đến Sangarren một lần nữa và được người ta cho phép dò xét trong nhà bếp, thì lạ làm sao, họ tìm được một mớ tài liệu viết trên da mỏng và giấu trong một chỗ kín vách tường.

Những tài liệu ấy được đem về thành Huesca, nhờ giáo sư Oscariz dịch ra tiếng Tây Ban Nha thì đúng theo lời của hồn anh Suciac đã cho biết.

TRẢ NỢ TÍN THÍ

Đức Ca-na-đê-bà (Kanadeva) Tổ sư thứ 15 của Phật giáo bên Ấn Độ, có lần sang truyền đạo tại nước Tila. Thuở ấy, vườn ông trưởng giả Phạm Ma Tín Đức có một cây đại thọ sanh ra một thứ nấm rất thơm, thường bữa ông cùng con thứ hai là La Hầu La Đa nhỏ nấm ấy ăn rất ngon, mà hễ nhỏ sớm mai thì chiều thấy nấm khác mọc ra.

Tổ sư vốn biết rõ nguyên nhơn việc ấy, nên đến viếng trưởng giả và giải cho ông ấy biết việc lạ ấy vốn như vậy:

“Nguyên trong một tiền kiếp, ông và con ông thành

tâm cúng dường cho một thầy ti khưu. Nhưng thầy ấy đạo hạnh chưa hoàn toàn, quanh năm suốt tháng cứ ngửa tay thọ lãnh của hai người mà ăn tiêu, nhưng chẳng lập được một đạo nghiệp nào đáng kể. Cho nên kiếp nầy tỷ khưu ấy phải đọa sanh làm nấm đặng trả món nợ tín thí ở kiếp trước đó vậy”.

Nghe thuật rõ có báo ứng, ông trưởng giả liền thưa:

– Bạch Tôn sư, tôi vô phước không sớm được gặp Ngài, nay tôi đã già nua, sức yếu tiếc không thể theo hầu hạ Ngài, nay tôi tình nguyện cho con tôi đây là La Hầu La Đa theo thọ giáo, xin Ngài từ bi thâm nạp.

Tổ sư vui vẻ đáp:

– Kiếp trước con ông đã có duyên lành được Đức Như Lai Thế Tôn thọ ký, sau nầy sẽ là một vị Giáo chủ trong Phật đạo. Vậy, sự hội ngộ hôm nay không phải ngẫu nhiên, mà là do duyên từ trước vậy.

(Viết theo tài liệu rút trong “Sự tích 33 vị Tổ sư” của Phật giáo).

ĐỨC CƯU-MA-LA-ĐA GIẢNG CƠ BÁO ỨNG

Chuyện nầy viết theo tài liệu rút trong “Sự tích 33 vị Tổ sư” do Phật học Tạp chí “Từ bi âm” xuất bản.

Đức Cưu-ma-la-đa (Kumarata) là Tổ sư thứ 19 của Đạo Phật bên Ấn Độ. Sau khi đắc đạo, Ngài sang thuyết pháp bên miền Trung Ấn Độ. Thuở ấy có đại sĩ Xá-dạ-đa hỏi Ngài:

– Bạch Ngài, song thân tôi vốn hiền lương, rất tin sùng Phật giáo, song thường bị đau ốm và bất câu làm việc gì cũng thất bại; còn người bên cạnh, chuyên nghề hàng

thịt sát hại chẳng biết bao sanh mạng. Ấy vậy mà hần vẫn khỏe mạnh và làm ăn ngày thêm phát đạt. Thật tôi không rõ thế nào là cơ báo ứng, cúi xin Ngài từ bi chỉ giáo.

Tổ sư giảng giải:

– Cơ báo ứng vốn có ba thời kỳ, không nên lấy lẽ thanh suy, bĩ thối hiện tại mà đoán được căn phần hiện tại. Phải biết cái lý nhơn quả không bao giờ sai chạy. Nhơn với quả cũng như bóng với hình, hình thẳng tức bóng ngay, hình chình tức bóng lệch. Người đời không rõ cái lý ấy mới dám ngờ vực khi thấy bậc hiền lương mà hoạn nạn, kẻ bạo tàn lại được vinh quang, chớ họ biết đâu rằng sở dĩ kẻ tích ác mà đặng giàu sang là nhờ hưởng cái duyên kiếp trước, cũng như kẻ hiền từ mà chịu nghèo khổ là tại cái oan nghiệt tự mình đã tạo ra kiếp xưa, nên kiếp này phải trả. Đến như cái nhơn hiện tại là mầm móng cái quả tương lai đó vậy.

Đành rằng có ba nghiệp, nhưng mỗi nghiệp cũng do vọng mà sanh, vọng hoặc lại do thức tình mà dấy, thức tình sở dĩ có vì tánh bất giác, mà tánh bất giác lại ở nơi tâm. Nhưng bốn thể của tâm vốn là thanh tịnh, không sanh, không diệt, không tạo tác mà cũng không báo ứng. Con người thấu được chỗ diệu lý ấy, thì đối với họ, tất cả những pháp hữu vi và vô vi đều là mộng ảnh, không cần phải quan tâm đến.

Người như vậy tức đồng bậc với Phật đó.

CHƯƠNG BỐN

LÀM PHƯỚC GẶP PHƯỚC

Thuở xưa có hai vợ chồng Kế-la-di, tuy nghèo nhưng mà biết an thân thủ phận, vui sống cuộc đời thanh bạch, tâm tánh từ hòa và hay nhịn nhục. Một hôm, vợ chồng thức dậy sớm, chia nhau một người một ngã đi làm mướn kiếm tiền đặng độ nhật.

Đọc đường, Kế-la-di gặp nhiều ông trưởng giả ăn mặc chỉnh tề hội nhau trong một ngôi chùa để tổ chức một cuộc bố thí. Thấy vậy, chàng thâm trách mình nghèo khổ chẳng có phương tiện bố thí như người ta, nên lòng càng buồn bực.

Tối lại, chàng về nhà không ngủ được, cứ nằm lăn qua trở lại thở dài. Chàng thâm nghĩ vì kiếp trước không làm điều thiện, nên kiếp này phải chịu bần cùng khổ sở, còn mấy ông trưởng giả kiếp trước có tu nhơn tích đức, nên kiếp này được giàu có hơn người. Chàng lại nghĩ nếu kiếp này không sớm lo lập âm đức, kiếp sau ắt còn khổ sở hơn nữa.

Người vợ thấy chàng buồn bực liền hỏi duyên do, thì chàng đáp:

– Nay hiền thê! Anh sở dĩ ưu phiền là vì kiếp trước không vun cội phước nên ngày nay phải chịu cực khổ cơ hàn, muốn làm âm chất ngặt nổi không tiền.

– Anh chẳng nên buồn bực, mà than dài thở vắn cũng chẳng ích chi. Tốt hơn là đem bán em cho nhà giàu

lấy tiền bố thí có phải ích lợi xác thực hơn không?

Kế-la-di nghe vợ nói hết sức thương tình, rồi đáp:

– Chúng ta vốn cùng chung một số phận, cùng chia nông sốt lạnh, lẽ nào anh làm được điều vô như đạo ấy?

– Thôi thì chúng ta đồng bán thân lấy tiền làm công đức, anh nghĩ sao?

Kế-la-di vui chịu, rồi sáng ra cùng nhau đến nhà một ông phú hộ và thưa:

– Thưa ông, vợ chồng chúng tôi đến xin ông cho chúng tôi bán thân lấy ít đồng vàng đem về cúng Phật và làm phước.

Ông phú hộ ngạc nhiên hỏi:

– Hai vợ chồng muốn bao nhiêu?

– Thưa, lối 10 đồng vàng thôi.

– Thôi, ta cho hai người mượn 10 đồng vàng, với điều kiện là trong bảy ngày phải lo huồn lại. Nếu quá kỳ hạn mà không trả, chừng đó hai người phải ở làm công cho ta mà trừ nợ.

Hai vợ chồng mừng rỡ, liền làm giấy nợ rồi lãnh tiền đi đến một ngôi chùa ra mắt chủ tăng, xin nạp 10 đồng vàng, nhờ chủ tăng qua ngày thứ 6 làm chay bố thí giùm, rồi ngày thứ 7 sẽ huồn kinh cúng nợ.

Chủ tăng vui lòng chấp thuận, lúc ấy hai vợ chồng ở tại chùa, vợ lo giã gạo xây bột, chồng bữa củi, gánh nước, bao hàm tất cả công việc cực nhọc về việc làm chay.

Lúc ấy lại có một vị quốc vương đến chùa cật chủ tăng lập đàn cầu siêu cho tiên vong và bố thí kẻ nghèo, nhưng trở trêu làm sao, quốc vương cũng định ngày cầu

siêu cùng một lúc với vợ chồng Kế-la-di.

Chủ tăng liền tâu ông đã định lo bữa ấy làm chay cho vợ chồng Kế-la-di rồi, xin nhà vua dời qua ngày khác.

Quốc vương bất bình và phán:

– Trăm đây là bực quân vương, còn kẻ kia là hạng thân dân, lẽ nào không nhường ngày ấy cho trăm sao?

Nói đoạn, quốc vương sai người đến bảo La-di nhường ngày ấy cho Ngài làm chay trước.

Vua sai người đi điều đình như vậy đến ba lần, nhưng La-di vẫn khăng khăng không chịu nhường.

Quốc vương lấy làm lạ liền cho đòi La-di đến giáp mặt hỏi nguyên do, thì chàng tâu rằng:

– Tâu Thánh thượng, kẻ mặt dân nầy chỉ được tự do trong hai ngày ấy thôi, chớ qua ngày sau thân nầy phải làm nô lệ cho người khác, không còn tự do cúng Phật trai Tăng được nữa. Vì lẽ ấy, mặt dân không thể làm vừa lòng Thánh thượng.

Quốc vương gạn hỏi đuôi đầu, biết rõ ngọn ngành, lấy làm khen ngợi La-di, nên vui lòng nhường cho vợ chồng khai pháp hội trước mình. Ngài truyền lệnh xuất bạc vàng châu báu ban thưởng hai người, lại xuống chiếu dạy quan địa phương cắt đất cho hai vợ chồng chung hưởng huê lợi suốt đời.

Nhờ vậy, Kế-la-di có tiền đem trả ông phú hộ để chuộc lại tự do.

(Tóm tắt theo tài liệu “*Tục tạng kinh*”)

KẾT LUẬN

“LUÂN HỒI” là cơ mầu nhiệm cũng như “QUẢ BÁO” là luật thưởng phạt công bình của Thiên Đạo.

Là cơ mầu nhiệm, sự “Luân hồi” không thể đem phô diễn hằng ngày trước mắt muôn người. Tuy nhiên, vì đức từ bi, nên thỉnh thoảng Tạo Hóa cũng hé màn bí mật cho người đời chiêm nghiệm, cũng để nhắc chừng cho biết “Chết không phải là hết” và linh hồn, điểm linh quang bất diệt ấy, phải trải qua muôn muôn ngàn ngàn kiếp tái sanh đặng học hỏi, kinh nghiệm mà tấn hóa.

Những chuyện “Luân hồi” và “Quả báo” chúng tôi đã trình bày cũng đủ chứng minh điều ấy. Chúng tôi không bịa đặt, chỉ ra công sưu tập tài liệu trích trong kinh điển và báo chí mà đăng ra, có xuất xứ rõ ràng, có bằng chứng hiển nhiên.

Có “Luân hồi” tức có tạo nơn, tạo nơn, linh hồn chuyển kiếp, phải trả quả là lẽ đương nhiên. Không cần nói đến “Luật thiêng liêng”, ngay “Luật đời” cũng không bao giờ để yên cho người tạo ác. Song “Luật đời” phạm nơn còn phương trốn, chỉ ư “Luật thiêng liêng” thì một mảy không qua, dữ lành đều báo ứng. Trong mấy năm qua, chúng ta đau lòng mục kích chẳng biết bao nhiêu tang tóc, bao nhiêu tàn phá, giàu sang trở nên nghèo khổ, nghèo khổ hóa thành giàu sang, hầu hết những kẻ lưu manh tàn ác phải đền tội bằng cách nầy hoặc cách khác. Rõ ràng là “Cơ báo ứng nhân tiền” của công bình Thiên Đạo.

Họa phúc do con người tự tạo, bằng chứng rõ ràng,

chúng ta có quyền lựa chọn giữa hai con đường SIÊU và ĐOÀ.

Phải chăng Hội Long Hoa, tức Hội Đại Đồng Phán Đoán (Grand Jugement Général) đã bắt đầu khai diễn vào thời kỳ mạt pháp này, để rồi mở ra một Ngươn mới, Ngươn Thánh Đức, cho những tâm hồn trong sạch chung sống cảnh HÒA BÌNH và HẠNH PHÚC của một đời mới?

HẾT

LUÂN HỒI QUẢ BÁO

Tác giả

NGUYỄN TRUNG HẬU và PHẠM TẤN ĐÃI

Nhà in HOÀNG HẢI

152 Đường Cô Giang

SÀI GÒN

Giấy phép số: 431/TXB ngày 13/4/1956

Thánh Thất New South Wales - Australia

Tái ấn hành năm Quý Mùi 2003

thanhthatnsw@yahoo.com.au

CHÂU THÂN GIẢI
Tác Giả: NGUYỄN TRUNG HẬU